

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
KS. Nguyễn Xuân Sang
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
CN. Trần Quốc Chấn
ThS. Lê Thị Linh Mai

THƯ KÝ BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

ThS. Lê Thị Linh Mai

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA

17 Hạc Thành - P. Ba Đình
TP. Thanh Hóa

Điện thoại: 02373.720.885
Fax: 02373.720.885

Website: www.tusta.org.vn

Email: khoahocthanhhhoa@gmail.com

Ảnh bìa: Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa và Liên đoàn Lao động tỉnh thăm và làm việc tại doanh nghiệp khoa học công nghệ - Công ty Cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông.

TRONG SỔ NÀY

◆ Vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa trong việc tập hợp đoàn kết, phát huy trí tuệ, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà

Nguyễn Văn Phát 2

◆ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa với công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp trí thức khoa học và công nghệ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Lê Thị Huyền 8

◆ Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức trong hệ thống Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Nguyễn Quốc Uy 11

◆ Xây dựng và phát triển Liên chi hội Khoa học Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Thanh Hóa vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

Trần Văn Thịnh 16

◆ Hội Điều dưỡng tỉnh Thanh Hóa 5 năm hoạt động (2017 - 2022) và những thành tựu đóng góp vào sự phát triển của ngành điều dưỡng

Đặng Thị Thu 22

◆ Thơ Đường luật trong cuộc sống đương đại

Trần Đàm 25

◆ Dòng chảy tối thiểu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Phạm Xuân Quý 27

◆ Người Dao và vấn đề bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Dao Thanh Hóa

Nguyễn Văn Lộc 32

◆ Xây dựng hệ sinh thái công nghệ thông tin cho nông nghiệp làng nghề trong thời kỳ 4.0

Nguyễn Viết Thanh và các cộng sự 36

◆ Hiệu quả mô hình sản xuất rau Cải ngọt cao sản SV-100 trong nhà màng theo tiêu chuẩn hữu cơ tại xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Vũ Văn Chiến 38

◆ Tin hoạt động

41

◆ Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen lan Hải vân bắc, lan Hải lông và lan Thủy tiên hương cho vùng Bắc Trung Bộ

Phạm Anh Tám và các cộng sự 47

◆ Vai trò của Thần phi Trịnh Thị Ngọc Lữ trong khởi nghĩa Lam Sơn

Nguyễn Ngọc Khiếu 49

◆ Một số thầy giáo xứ Thanh nổi tiếng trong lịch sử

Trần Thị Liên 53

◆ Về hứng thú hiểu biết và học tập môn lịch sử nước nhà của giới trẻ

Quốc Chấn 57

VAI TRÒ CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA TRONG VIỆC TẬP HỢP ĐOÀN KẾT, PHÁT HUY TRÍ TUỆ, NĂNG LỰC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TỈNH NHÀ

TS. Nguyễn Văn Phát

Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Hiện nay, đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh Thanh Hóa có trên 15 vạn người (trong đó có 26 phó giáo sư, trên 200 tiến sĩ, gần 5.000 thạc sĩ) đang công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức KH&CN, đơn vị sự nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội; các doanh nghiệp và một bộ phận không nhỏ là những trí thức trong đội ngũ cán bộ hưu trí đang hoạt động trong hệ thống của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (Liên hiệp hội), các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp. Riêng trong hệ thống Liên hiệp hội có 9.704 hội viên trình độ đại học trở lên trên tổng số gần 25.000 hội viên (13 phó giáo sư, 150 tiến sĩ và 1.500 thạc sĩ) đang tham gia hoạt động trong 34 hội thành viên, 4 trung tâm KH&CN, 7 đơn vị hội viên liên kết; cùng với sự phát triển của tỉnh, đội ngũ trí thức KH&CN đã có sự tăng nhanh về số lượng, chất lượng cũng được nâng lên. Đây là một nguồn lực trí tuệ rất lớn, trong đó nhiều trí thức nguyên là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn chủ chốt công tác trong các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh; là lực lượng lao động mà trong đó có đông đảo trí thức đã được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ bài bản, có nhiều kinh nghiệm trong công tác và đã được tích lũy, chọn lọc, có khả năng tham gia đóng góp ý kiến, tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh thể chế hóa văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác tập hợp, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức được thể hiện trong việc Liên hiệp hội đã quan tâm nghiên cứu các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và hướng dẫn của Liên

hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về công tác trí thức, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương đã kịp thời tham mưu cụ thể hóa thành các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp có chất lượng để cấp ủy, chính quyền tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác đối với đội ngũ trí thức KH&CN tỉnh nhà ngày càng

giữa Đảng đoàn Liên hiệp hội với các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, các đảng đoàn, ban cán sự đảng có liên quan; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị; Quyết định số

và Kỹ thuật Việt Nam. (ii) Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 16/8/2019 thực hiện Kết luận số 52-KL/TW của Ban Bí thư (khoá XII) nhằm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng đội ngũ trí thức của tỉnh ngày càng vững mạnh. Chỉ đạo phát triển các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, KH&CN, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu và nhiều lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật khác để thu hút trí thức KH&CN vào làm việc. (iii) Ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho đội ngũ trí thức; chính sách vinh danh đối với trí thức có công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc đóng góp vào sự phát triển tỉnh nhà; các quy định “Tôn vinh trí thức tiêu biểu” đạt thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới, sáng tạo kỹ thuật; “Quy chế tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa đội ngũ trí thức với lãnh đạo tỉnh”. Việc ban hành các cơ chế, chính sách,



Hội thảo khoa học với chủ đề “Phát huy vai trò và đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa”

kịp thời và hiệu quả; tỉnh đã có nhiều chủ trương quan trọng phát triển đội ngũ trí thức nói chung, trong đó có bộ phận không nhỏ trí thức KH&CN, kết quả 10 năm trở lại đây: (i) Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 433-QĐ/TU ngày 04/4/2012 về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác

163/2016/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 ban hành Quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội theo Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học

KHOA HỌC THANH HÓA

quy định trên là nhằm động viên, khích lệ trí thức tích cực tiến quân vào hoạt động KH&CN, phục vụ xây dựng phát triển tỉnh nhà. (iv) Để tiếp tục đẩy mạnh công tác trí thức KH&CN, bên cạnh các chủ trương, quyết sách trên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 08/3/2021 thực hiện Kết luận số 93-KL/TW của Ban Bí thư (khoá XII) tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp hội (mái nhà chung của đội ngũ trí thức KH&CN) trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngoài ra tỉnh cũng đã có nhiều chỉ đạo nhằm xây dựng và phát triển Liên hiệp hội. Thông qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Liên hiệp hội đã tăng cường phối hợp với các sở, ban,

ngành, cấp ủy huyện, thị xã, thành ủy và đã vươn lên làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, xứng đáng là tổ chức chính trị - xã hội, đại diện của trí thức KH&CN của tỉnh, là đầu mối tập hợp, đoàn kết và phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đầu mối tổ chức các hoạt động tập hợp đoàn kết, phát huy trí tuệ, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ trí thức KH&CN:

(i) Tổ chức hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức: Một trong những nhiệm vụ chính của Liên hiệp hội được ghi trong Điều lệ là thông tin, phổ biến kiến thức trong nhân dân, tổ chức và hướng dẫn phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học và công

nghệ. Trong những năm qua, Cơ quan Liên hiệp hội và các hội thành viên đã từng bước làm tốt công tác vận động và tổ chức cho đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh tham gia vào các hoạt động thông tin, phổ biến về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nhất là các thông tin kiến thức về KH&CN và đổi mới sáng tạo, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; thông tin, kiến thức về chính trị, thời sự, văn hóa, lịch sử đến đội ngũ trí thức, cán bộ, hội viên, nhân dân, góp phần nâng cao sự hiểu biết về tình hình thế giới, trong nước liên quan đến các vấn đề trên, góp phần củng cố lòng tin của đội ngũ trí thức KH&CN đối với Đảng và Nhà nước và có sự đóng góp thiết thực, hiệu quả vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(ii) Tổ chức hoạt động tư vấn, tham vấn độc lập: Liên hiệp hội định kỳ tổ chức các hoạt động tạo môi trường để đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh tham gia ý kiến đóng góp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các sở, ban ngành, địa phương trong tỉnh về các vấn đề phục vụ phát triển của tỉnh như: xây dựng luận cứ khoa học phục vụ



Tập huấn xử lý rác thải hữu cơ làm phân bón quy mô hộ gia đình và kỹ thuật tự làm chế phẩm sinh học cho cây trồng cho nông dân huyện Hoằng Hóa.

ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án, dự án lớn, trọng tâm của tỉnh, ngành, huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh thông qua các hoạt động tham mưu, đề xuất; tư vấn, phản biện và giám định xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe; bảo vệ tài nguyên - môi trường.

(iii) Phối hợp, tham gia cùng với các sở, ngành trong hoạt động tư vấn, tham vấn: Liên hiệp hội đã tập hợp hội viên các hội chuyên ngành thành viên phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp KH&CN; các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN nghiên cứu tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá, thẩm định các chương trình, đề án, dự án do các ngành xây dựng; đề xuất việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước triển khai vào địa bàn tỉnh; tham mưu, tổ chức thực hiện việc cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong các chương trình trọng tâm, khâu đột phá về

KH&CN theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh trong các nhiệm kỳ qua đã đề ra. Bên cạnh đó, Liên hiệp hội và các hội thành viên tích cực tham gia ý kiến đóng góp vào các hoạt động giám sát và phản biện xã hội do Mặt trận Tổ quốc tỉnh chủ trì; chủ động đề xuất cử hội viên tham gia làm thành viên của nhiều hội đồng KH&CN, hội đồng tư vấn, hội đồng thẩm định do các cơ quan nhà nước thành lập, qua đó đã phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của đội ngũ trí thức của tỉnh vào xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật và thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tích cực cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đưa tỉnh ta ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên. Phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã góp phần từng bước nâng cao trình độ KH&CN của tỉnh, nhiều lĩnh vực đã vươn lên tiếp cận trong nhóm trình độ cao của đất nước; hoạt động của đội ngũ trí thức KH&CN trong các lĩnh vực đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển.

(iv) Tổ chức diễn đàn KH&CN, các hoạt động tập hợp trí thức khác: Trong 5 năm (2016 - 2021) Liên hiệp hội đã: Chủ trì tổ chức nhiều hội khoa học phục vụ công tác phản biện của Liên hiệp hội; phối hợp với một số hội chuyên ngành, các đơn vị thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức các hội thảo chuyên đề lớn. Liên hiệp hội hỗ trợ, hướng dẫn các hội thành viên: tổ chức nhiều cuộc hội thảo chuyên đề (ươm mầm sáng tạo khoa học và công nghệ); tập huấn kỹ thuật, chuyển giao các tiến bộ KH&CN trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp (kỹ thuật sản xuất giống, kỹ thuật sản xuất đối với cây trồng nông - lâm nghiệp chủ lực, kỹ thuật chăn nuôi, biện pháp phòng, chống dịch bệnh...), bảo vệ môi trường. Liên hiệp hội định kỳ mời chuyên gia, các nhà khoa học công tác tại các cơ quan Trung ương: thông tin chuyên đề chính trị, thời sự, văn hóa, lịch sử đến cán bộ, hội viên Liên hiệp hội và hội viên Câu lạc bộ Hàm Rồng (2 lần/năm); tham gia tại các hội thảo; tập huấn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và truyền đạt các chủ trương Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; báo cáo

KHOA HỌC THANH HÓA

các chủ đề có liên quan đến sản xuất và đời sống đến cán bộ, hội viên, nhân dân. Liên hiệp hội đã hỗ trợ, hướng dẫn các hội chuyên ngành thành viên tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng trang bị kiến thức mới cho hội viên và nhân dân về các lĩnh vực sản xuất. Hằng năm, Liên hiệp hội và các hội thành viên tiến hành mở các lớp tập huấn nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ tham gia hoạt động hội.

(v) Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội: Xác định rõ hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng và khẳng định vị thế, vai trò của Liên hiệp hội, đồng thời đây cũng là một hoạt động quan trọng để tập hợp trí thức đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh nhà. Liên hiệp hội, các hội thành viên đã tham gia các hoạt động tư vấn và hội đồng Khoa học chuyên ngành, đóng góp tốt cho các chương trình, dự án của các bộ, ngành và địa phương. Liên hiệp hội đã chủ trì tập hợp các trí thức trong tỉnh tiến hành phản biện 43 nhiệm vụ do UBND tỉnh giao, đóng góp quan trọng vào việc cung cấp luận cứ, cơ sở khoa học

và thực tiễn để cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Liên hiệp hội cũng đã tham gia góp ý, phản biện các đề án, dự thảo Luật, giúp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh có thêm thông tin, căn cứ, số liệu khi đóng góp các dự thảo Luật. Liên hiệp hội cũng cử đại diện tham gia các Hội đồng thẩm định cấp tỉnh các đề án, dự án do các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố xây dựng.

(vi) Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, bảo vệ môi trường: Từ khi Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến nay Liên hiệp hội và các hội thành viên đạt được nhiều kết quả quan trọng trong nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển cộng đồng. Các hội thành viên và Cơ quan Thường trực Liên hiệp hội đã thực hiện gần 800 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó có 18 dự án của

các tổ chức quốc tế, một số đề tài cấp bộ và cấp tỉnh và còn lại là đề tài cấp ngành và cơ sở. Các đề tài, dự án KH&CN đều bám sát yêu cầu phát triển của ngành, góp phần giải quyết nhiều yêu cầu bức thiết của xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả nhiều đề tài, dự án có giá trị, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp nông thôn, nâng cao năng lực cộng đồng, xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đặc biệt ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã tập hợp được rất đông đảo cán bộ, hội viên, trí thức KH&CN liên ngành tham gia tổ chức thực hiện, đóng góp trí tuệ.

(vii) Hoạt động phát huy sáng tạo kỹ thuật, tôn vinh trí thức: Thực hiện Quyết định số 165/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh giao, Liên hiệp hội đã chủ trì tổ chức triển khai thực hiện tốt Hội thi Sáng tạo kỹ thuật trong tỉnh và tôn vinh những tài năng sáng tạo. Hằng năm, Liên hiệp hội phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng cho các cá nhân được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng

Lao động sáng tạo. Liên hiệp hội đã phối hợp tham gia với các sở, ban, ngành, đoàn thể hỗ trợ kinh phí khen thưởng để tổ chức hội thi Tin học trẻ không chuyên toàn tỉnh. Từ khi thành lập đến nay, Liên hiệp hội đã chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thành công 12 Hội thi Sáng tạo kỹ thuật; phát động tham gia 42 Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ toàn quốc đạt hiệu quả cao. Thông qua Hội thi, Giải thưởng đã có hàng ngàn công trình, giải pháp kỹ thuật tham dự, hàng trăm công trình, giải pháp được Ban tổ chức trao giải, nhiều tác giả được nhận Bằng khen của các cơ quan Trung ương và Chủ tịch UBND tỉnh. Nhiều công trình, giải pháp đạt giải danh giá, thứ hạng cao và đã được áp dụng vào thực tiễn làm lợi cho doanh nghiệp, Nhà nước hàng chục tỷ đồng.

Một số nhiệm vụ trọng tâm trong những năm tới:

Một là, đẩy mạnh việc triển khai, quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về vai trò, vị trí, nhiệm vụ của Liên hiệp hội trong toàn hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; tiếp tục nâng cao chất lượng, tập hợp đội ngũ trí thức

KH&CN của tỉnh vào việc nghiên cứu tham mưu cho cấp ủy, chính quyền ban hành cơ chế, chính sách, quy chế, quy định nhằm nâng cao hiệu quả hơn nữa vai trò của Liên hiệp hội trong việc tập hợp và phát huy trí tuệ, sức sáng tạo và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực của hoạt động kinh tế - xã hội.

Hai là, tập trung xây dựng Liên hiệp hội trở thành một tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, phát huy tốt vai trò tập hợp đội ngũ trí thức KH&CN tham gia vào các vấn đề lớn của tỉnh. Xây dựng và phát triển các hội thành viên và tổ chức KH&CN trực thuộc cả về số lượng, chất lượng hoạt động; trở thành trung tâm thu hút phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh.

Ba là, Liên hiệp hội nghiên cứu đề xuất tổ chức các diễn đàn khoa học chuyên nghiệp về những vấn đề lớn được xã hội quan tâm, thực hiện phát huy dân chủ, tạo môi trường, cơ hội để đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh được trình bày quan điểm, chính kiến và đóng góp ý kiến, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát

triển của tỉnh; xây dựng môi trường hội tụ tiếng nói của trí thức, trực tiếp chuyển tải ý kiến, nguyện vọng của trí thức đến với lãnh đạo tỉnh. Phát huy được vai trò nòng cốt của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh trong việc tổ chức các phong trào quần chúng tiên quân vào khoa học kỹ thuật; chủ động kết nối và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động chuyên môn của các hội thành viên.

Bốn là, Liên hiệp hội cùng với các hội chuyên ngành thành viên tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội được UBND tỉnh giao hàng năm; tập trung nâng cao chất lượng tư vấn giải quyết những vấn đề lớn, bức xúc của tỉnh về phát triển KH&CN, giáo dục và đào tạo, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tăng trưởng kinh tế. Thực hiện các giải pháp đã được nêu trong các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh tạo nên sự đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức hoạt động của Liên hiệp hội./.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa với công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp trí thức khoa học và công nghệ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Lê Thị Huyền

Phó Chủ tịch

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho trí thức khoa học và kỹ thuật Thanh Hóa, là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam tỉnh Thanh Hóa; với chức năng tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN); điều hòa, phối hợp và hướng dẫn hoạt động của các hội thành viên; làm cầu nối với Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các hội thành viên và đội ngũ trí thức KH&CN.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình, Liên hiệp hội từng bước trưởng thành và phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng cả về xây dựng, củng cố tổ chức, tập hợp hội viên và trong tổ chức hoạt động hoạt động, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời khẳng định



Liên hiệp hội tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022.

và phát huy vai trò, vị thế của mình trong cộng đồng.

Hiện nay, Liên hiệp hội có 34 hội thành viên, 4 trung tâm khoa học công nghệ và Quỹ Hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật trực thuộc, 7 đơn vị liên kết với gần 25.000 hội viên. Trong nhiều năm qua, Liên hiệp hội đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà khoa học, đội ngũ trí thức KH&CN; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; sớm trở thành một trong những cực tăng trưởng mới của cả nước.

Liên hiệp hội đã chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện được hàng nghìn đề tài, dự án khoa học; trong đó có 11 dự án hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc tế tại Việt Nam, 217 đề tài cấp bộ và cấp tỉnh, 449 đề tài, dự án cấp cơ sở và cấp ngành, các đề tài, dự án đều bám sát nhu cầu thực tiễn về chuyển giao KH&CN, giải

quyết những vấn đề bức xúc trong sản xuất, đời sống của người dân và cộng đồng trên các lĩnh vực: y tế, giáo dục, nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao năng lực cộng đồng, xóa đói giảm nghèo bền vững. Thông qua hoạt động KH&CN, Liên hiệp hội và các hội thành viên đã huy động được trên 55 tỷ đồng phục vụ đầu tư khoa học - công nghệ vào phát triển sản xuất, cùng với sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước, hỗ trợ của cấp trên, huy động tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ quốc tế và vốn đối ứng của Nhân dân.

Liên hiệp hội luôn bám sát chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ tỉnh, trong việc tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn kết đội ngũ trí thức trong khối đại đoàn kết toàn dân, được thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau đây:

Chủ trì tổ chức nhiều hội nghị tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đông đảo cán bộ, hội viên, đội ngũ trí thức, các nhà khoa học về các cơ chế, chính sách của tỉnh trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã

hội gắn với trách nhiệm của Liên hiệp hội.

Phối hợp với Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội khác thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, cụ thể như: tổ chức nhiều hội thi lao động sáng tạo, vinh danh những tập thể và cá nhân có những công trình khoa học được ghi nhận; thông qua nhiều hình thức để đội ngũ trí thức, các nhà khoa học tham gia ý kiến góp ý vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cán bộ, hội viên phản ánh với Hội đồng nhân dân tỉnh; tham gia đóng góp ý kiến vào 153 dự thảo Luật, văn bản quy phạm pháp luật, tư vấn pháp luật cho hàng chục ngàn lượt người dân, giúp người dân giải quyết những vấn đề có liên quan đến pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật nhà nước và nâng cao nhận thức pháp luật cho Nhân dân.

Với vai trò là thành viên của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Liên hiệp hội là nơi tập hợp, đại diện cho đội ngũ các chuyên gia, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh; trong những năm qua, Liên hiệp hội đã thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp, thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ Việt

KHOA HỌC THANH HÓA

Nam tỉnh, nổi bật trên các lĩnh vực sau:

Liên hiệp hội đã thể hiện trách nhiệm của mình, huy động và phát huy trí tuệ cán bộ, hội viên, đội ngũ trí thức KH&CN, tích cực tham gia làm thành viên trong hoạt động giám sát và nhất là đóng góp tích cực trong hoạt động phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đối với các dự thảo quy định, cơ chế chính sách, dự án, đề án, kế hoạch của địa phương, tiêu biểu như: Dự thảo Đề án phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh giai đoạn 2021

- 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 - 2025;...

Qua tiếp thu và tổng hợp, có thể khẳng định rằng các ý kiến phản biện xã hội của Liên hiệp hội rất nghiêm túc, trí tuệ và chất lượng, trên cơ sở đánh giá, phân tích các cơ chế, chính sách và các khuyến nghị về sự phù hợp của nội dung các cơ chế, chính sách với mục tiêu và các điều kiện đã quy định hoặc thực trạng đặt ra, bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi của các quy định, cơ chế, chính sách khi ban hành và tổ chức thực hiện.

Liên hiệp hội thực hiện nghiêm túc việc tập hợp tình hình Nhân dân, dư luận xã hội, trọng tâm là lắng nghe, tổng hợp nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị của cán bộ, hội viên, đội ngũ trí thức KH&CN, thông qua Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để phản ánh đến các kỳ họp Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hàng năm, Liên hiệp hội đã chủ động phối hợp với cơ quan, ban, ngành tham mưu tổ chức nhiều hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức, nhà khoa học nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của Nhân dân, cũng như đề xuất các chế độ, chính sách để khuyến

khích, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của đội ngũ trí thức, các nhà khoa học vì sự phát triển của tỉnh. Đồng thời, phối hợp tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách trong việc thu hút nhân tài, người có trình độ, tay nghề cao về Thanh Hóa làm việc, cùng với đội ngũ trí thức trong tỉnh từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học, góp phần sớm đưa Thanh Hóa thành một trong những địa phương là nơi đào tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN của khu vực và của cả nước.

Qua các nhiệm kỳ của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đã có nhiều nhà khoa học, hội viên của Liên hiệp hội được cử tri và Nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Liên hiệp hội đã chủ động tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên tích cực hưởng ứng tham gia các cuộc vận động do MTTQ Việt Nam phát động, thông qua nhiều nội dung, cách làm phong phú, hiệu quả, nổi bật như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”; Phong trào “Chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”;(...)

(Xem tiếp trang 21)

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC TRONG HỆ THỐNG LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA

Nguyễn Quốc Uy

Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ (KH&CN) đã góp phần không nhỏ trong việc củng cố và nâng cao vai trò của Liên hiệp hội, phục vụ phát triển sản xuất và đời sống của Nhân dân, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Những năm qua, công tác thông tin, phổ biến kiến thức luôn được Thường trực Liên hiệp hội quan tâm chỉ đạo và đã có nhiều đổi mới; trong đó: công tác phối hợp giữa Liên hiệp với các hội thành viên, đơn vị liên

kết ngày càng tốt và hiệu quả hơn; số lượng và chất lượng các hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức được tăng lên rõ rệt; phương thức thực hiện ngày càng được đa dạng và phong phú thông qua các hoạt động hội thảo khoa học, tập huấn chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các phóng sự truyền hình, đưa tin, bài trên báo, tạp chí, trang tin của các cơ quan Trung ương và tỉnh, huyện, thị xã và các ấn phẩm thông tin của Liên hiệp hội.

Liên hiệp hội đã quyết định thành lập Ban Thông tin, phổ biến kiến thức và đối ngoại hợp tác quốc tế, kiện toàn lại Ban Biên tập tập san Khoa học Thanh

Hóa nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho Thường trực Liên hiệp hội về hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức. Chủ tịch Liên hiệp hội đã ban hành quy chế hoạt động của 2 ban và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy chế đã ban hành. Đến nay, hoạt động của 2 ban đã đi vào nề nếp, thực hiện đầy đủ công tác giao ban định kỳ, sơ kết quý, phân công trách nhiệm cụ thể các thành viên.

Về công tác thông tin:

Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Các hoạt động của Liên hiệp hội, các hội thành viên thường

KHOA HỌC THANH HÓA

xuân được thông tin trên Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; các hoạt động quan trọng còn được đưa tin trên các trang báo ngành Trung ương, kênh VTV2. Nội dung thông tin chủ yếu về: các hoạt động phổ biến kiến thức KH&CN, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường; về chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước; về hoạt động thông tin chính trị, thời sự; về các hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, phản biện và giám định xã hội; về kết quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, các hoạt động hội thảo khoa học chuyên đề và diễn đàn trí thức KH&CN; các hoạt động sáng tạo

KH&CN (Hội thi sáng tạo kỹ thuật, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng cấp tỉnh và toàn quốc, Giải thưởng sáng tạo KH&CN Việt Nam); tôn vinh trí thức KH&CN; thông tin, tuyên truyền về Đại hội nhiệm kỳ và các hoạt động kỷ niệm của Liên hiệp hội và các hội thành viên...

Thông tin qua ấn phẩm in và điện tử của Liên hiệp hội: Trong 5 năm (2016 - 2021), Liên hiệp hội đã xuất bản và phát hành hơn 10 ngàn ấn phẩm, bao gồm: (i) Tập san Khoa học Thanh Hóa (4 số/năm), đã được đổi mới về hình thức, nội dung, tăng số lượng trang, bài viết, in màu và phát hành đúng kỳ hạn để tập san thực sự trở thành diễn đàn của trí thức KH&CN

Thanh Hoá. (ii) Trang thông tin điện tử của Liên hiệp hội (tusta.org.vn) thường xuyên được nâng cấp mở rộng tính năng truy cập thông tin, đổi mới hình thức với nội dung phong phú đa dạng, thường xuyên cập nhật để thông tin kịp thời các hoạt động của Liên hiệp hội và các hội thành viên; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình thời sự, kinh tế - xã hội của đất nước và tỉnh nhà; kiến thức về KH&CN, đổi mới sáng tạo, tiến bộ khoa học kỹ thuật; báo cáo phản biện các chương trình, đề án của tỉnh do Liên hiệp hội thực hiện làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho cán bộ, hội viên, công chức, viên chức trong tỉnh... với số lượng người truy cập trang website bình quân 400 lượt/ngày.

Thông tin qua các ấn phẩm của các hội thành viên như: Ấn phẩm “Thanh Hóa xưa và nay” của Hội Khoa học Lịch sử (xuất bản định kỳ 4 số/năm, 600 cuốn/số); Bản tin Cầu đường của Hội cầu đường (4 số/năm, 550 cuốn/số); Bản tin y, dược học của Hội Y học và dược học (12 số/năm, 1.200 cuốn/số). Các hội thành viên cũng thường xuyên phối hợp với báo, đài, cơ quan thông tin



Liên hiệp hội tổ chức tập huấn kỹ năng viết tin bài cho các ấn phẩm của Liên hiệp hội và tọa đàm các công tác viên nhân Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6.

đại chúng của Trung ương và địa phương, hội chuyên ngành Trung ương để thông tin về nội dung và kết quả hoạt động của mình (Hội Dược học, Hội Luật gia, Hội Quy hoạch phát triển đô thị, Hội Khoa học Lịch sử, Hội Xây dựng, Hội Sinh vật cảnh, Hội Lâm nghiệp, Hội Bảo vệ môi trường, Hội Tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng).

Về công tác phổ biến kiến thức:

Phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức các cuộc phổ biến kiến thức, thông tin về chính trị, thời sự, văn hóa, lịch sử đến cán bộ, hội viên (2 lần/năm).

Bên cạnh đó, hỗ trợ, hướng dẫn các hội chuyên ngành thành viên tổ chức hội thảo khoa học; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức mới cho hội viên và nhân dân. Một số hội đã tổ chức có hiệu quả các hội thảo chuyên đề, như: Hội Giống cây trồng và Vật tư nông nghiệp tổ chức thành công hội thảo ương mầm, xây dựng điển hình tiên tiến và có kỹ yếu hội thảo; Hội các ngành sinh học, hóa học tổ chức 10 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, nuôi bò câu Pháp trong khu vực đô thị cho 600 học viên; Hội Quy

hoạch phát triển đô thị tổ chức 8 hội nghị phổ biến kiến thức mới về quy hoạch, phát triển đô thị cho gần 700 lượt người; Hội Sinh vật cảnh tổ chức 50 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng và chăm sóc, tạo dáng bonsai, phát triển kinh tế trang trại cây cảnh, cây ăn quả, tổ chức festival cây cảnh, cách trưng bày tại các hội nghị lớn của tỉnh, thành phố cho gần 10.000 lượt người tham dự; Hội Giống cây trồng và Vật tư nông nghiệp phối hợp với các tổ chức nhà khoa học và công nghệ, doanh nghiệp KHCN trong lĩnh vực nông nghiệp tổ chức nhiều buổi tập huấn về công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới về các loại giống cây trồng, vật tư, phân bón; Hội Khoa học Lịch sử thông qua 20 cuộc hội thảo khoa học để phổ biến kiến thức về văn hóa, lịch sử; Hội Chăn nuôi thú y tổ chức nhiều cuộc tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn sinh học, nuôi trồng thủy sản, cải tạo vườn tạp, ao hồ, tiêu thụ và bảo quản sản phẩm VAC; Hội Cầu đường, Hội Lâm nghiệp, Hội Điều dưỡng, Hội Dược học, Hội Di sản văn hóa và Cổ vật Thanh Hóa, Hội Dân tộc học và Nhân học mỗi hội hàng năm đã từ 3-5 hội nghị tập huấn phổ biến kiến

thức trong mỗi năm, qua đó đã góp phần tuyên truyền và phổ biến kiến thức về các chuyên ngành đến với cán bộ, hội viên và nhân dân trong tỉnh.

Tuy nhiên, chất lượng hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội vẫn còn một số mặt hạn chế, chưa chú trọng đến hiệu quả và sự tác động, còn biểu hiện hình thức, chưa thật sự trở thành một hoạt động chính, thường xuyên của Liên hiệp hội.

Một là, chưa phối hợp thực sự hiệu quả với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Thanh Hóa trong công tác đưa tin, tuyên truyền nên thông tin được đăng tải không đều đặn, chưa tổ chức đưa tin, bài dưới dạng chuyên mục; số lượng ấn phẩm thông tin của Liên hiệp hội (tập san, kỷ yếu,...) xuất bản còn ít, chất lượng bài viết chưa đồng đều, chưa tương xứng với quy mô hệ thống Liên hiệp hội. Nội dung thông tin, phổ biến kiến thức trên website của Liên hiệp hội còn chưa kịp thời, khô khan, chưa đa dạng, phong phú để thu hút được sự quan tâm của người đọc, vì vậy, lượt truy cập website còn hạn chế.

Hai là, hoạt động phổ biến kiến thức của Liên hiệp

KHOA HỌC THANH HÓA

hội, các hội thành viên hạn chế về hình thức tổ chức, số lượng, chất lượng và hiệu quả; chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Liên hiệp hội và hội thành viên. Đóng góp của hoạt động phổ biến kiến thức vào phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong tỉnh chưa nhiều, ít nội dung hoạt động nổi bật.

Ba là, Liên hiệp hội chưa tham mưu đề xuất, xây dựng đề án phổ biến kiến thức để báo cáo UBND tỉnh làm cơ sở cho các cấp, các ngành phối hợp đồng bộ các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện trong kế hoạch hằng năm. Một số hội thành viên chưa chú trọng tới công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức. Cơ quan Liên hiệp hội và các hội thành viên còn chưa chủ động tìm nguồn kinh phí (từ các chương trình phối hợp, liên kết; từ doanh nghiệp, các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh; các tổ chức phi chính phủ,...) cho hoạt động này.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế trên, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do: nhận thức chưa đầy đủ vị trí, vai trò và chưa thực sự quan

tâm của một số sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh về hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội và các hội thành viên; thiếu nhân lực, kinh phí để thực hiện hoạt động; Ban thông tin, phổ biến kiến thức và Đối ngoại hợp tác quốc tế chưa chủ động trong việc tham mưu, đề xuất nhiệm vụ về hoạt động này.

Được sự hướng dẫn, hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; trên cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp, giúp đỡ của các cấp, các ngành trong tỉnh đối với Liên hiệp hội; sự hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ của Liên hiệp hội với các hội thành viên, đơn vị liên kết trong thời gian qua sẽ là thực tiễn sinh động và là tiền đề tác động mạnh mẽ, điều kiện thuận lợi để Liên hiệp hội tiếp tục tập hợp các hội thành viên tích cực thực hiện tốt hơn công tác thông tin, phổ biến kiến thức. Trong khi đó, sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của KH&CN và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin và yêu cầu tất yếu về thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các ngành kinh tế - xã hội, đòi hỏi Liên hiệp hội cần phải có sự đổi mới rõ rệt, mạnh mẽ đối với

công tác thông tin, phổ biến kiến thức để có thể kịp đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Trước những thuận lợi và thách thức đó, việc nghiên cứu, xây dựng đề án về nâng cao chất lượng thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội, giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết, nhằm tiếp tục cụ thể hóa chỉ đạo của cấp ủy đối với hoạt động Liên hiệp hội về công tác thông tin, phổ biến kiến thức trong giai đoạn tới; đây cũng chính là nhiệm vụ quan trọng trong Chương trình hành động của Đảng đoàn Liên hiệp hội thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết 58-NQ/TW của Bộ Chính về phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

Mục tiêu đặt ra là: tăng cường các hoạt động thông tin bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú, phản ánh kịp thời đến cán bộ, hội viên và nhân dân các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh trong các lĩnh vực của công tác khoa giáo và xây dựng đội ngũ trí thức; nâng cao chất lượng và hiệu quả và số lượng các nhiệm vụ phổ biến kiến thức

KH&CN đến cộng đồng nhằm tập hợp và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN. Phần đầu đến năm 2025, công tác thông tin, phổ biến kiến thức thực sự trở thành nhiệm vụ chính, góp phần tích cực trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Liên hiệp hội trong giai đoạn mới; đến năm 2030 có nguồn thu từ hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức.

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Liên hiệp hội cần nhanh chóng thực hiện có hiệu quả các giải pháp cụ thể như sau:

Một là, kịp thời kiện toàn và tổ chức bộ máy giúp việc của Liên hiệp hội về hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn thực hiện Đề án. Bổ sung kịp thời số lượng thành viên kiêm nhiệm nhằm đảm bảo xây dựng Ban thông tin, phổ biến kiến thức đủ năng lực tham mưu cho Thường trực Liên hiệp hội, đồng thời có đủ nhân lực để tổ chức các hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức KH&CN đã đề ra hàng năm. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Xây dựng kế hoạch 5 năm, từng năm và hàng quý nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu đổi mới nội dung và phương thức hoạt động gắn với trách

nhiệm cá nhân với từng công việc cụ thể.

Hai là, đổi mới nội dung và hình thức các ấn phẩm của Liên hiệp hội như: Đối với tập san Khoa học Thanh Hóa, tập trung nâng cao chất lượng các tin, bài, đổi mới các chuyên mục đáp ứng nhu cầu bạn đọc, duy trì và tăng số trang trên mỗi số từ 64-70 trang tùy theo yêu cầu thông tin, in màu từ 8-10 trang mỗi số; xuất bản đúng định kỳ hàng quý (giai đoạn 2022 - 2025) và xuất bản định kỳ hàng tháng (giai đoạn 2026 - 2030). Đối với trang thông tin điện tử (tusta.org.vn), định kỳ nâng cấp, đổi mới giao diện website, sắp xếp lại các modul để bạn đọc thuận tiện trong việc truy cập tìm kiếm thông tin; tăng cường cập nhật chuyển tải những thông tin mới về các hoạt động của Liên hiệp hội, các hội thành viên, trung tâm trực thuộc, chú trọng tính trung thực, hấp dẫn đáp ứng nhu cầu bạn đọc, đảm bảo điều kiện để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

Ba là, đẩy mạnh công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ giữa cơ quan Liên hiệp hội với các hội thành viên và trung tâm trực thuộc, các sở ban ngành và UBND các huyện, thị xã,

thành phố; với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và liên hiệp hội các tỉnh bạn; cơ quan thông tin đại chúng trong tỉnh và Trung ương...

Bốn là, thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì và nâng cao chất lượng tập san Khoa học Thanh Hóa, website của Liên hiệp hội như: trả thù lao, chế độ nhuận bút đối với tin bài, ảnh trên các ấn phẩm theo nội dung và chất lượng bài viết; mời các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý tham gia các hoạt động của Liên hiệp hội viết bài tham luận hội thảo khoa học, chuyên đề kỹ thuật, tham luận tư vấn, phản biện và giám định xã hội; hoạt động của các hội thành viên, trung tâm trực thuộc, các đơn vị liên kết.

Năm là, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Thông tin, Phổ biến kiến thức và Đối ngoại. Tăng cường chỉ đạo, định hướng của Thường trực Liên hiệp hội đối với các tổ chức thành viên trong hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức KH&CN; chăm lo xây dựng đội ngũ công tác viên làm công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN./.

Xây dựng và phát triển Liên chi hội Khoa học Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Thanh Hóa vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

Trần Văn Thịnh

Chủ tịch Liên chi hội

Khoa học Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Thanh Hóa

Lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc ta ghi đậm những đóng góp to lớn của các thế hệ quân và dân Thanh Hóa - anh hùng hào kiệt xưa, anh hùng lực lượng vũ trang ngày nay.

Trong sử học, có thể coi Thanh Hóa là vùng đất quy tụ nhiều sử gia bậc nhất với sự xuất hiện từ sớm và liên tục của nhiều học giả nổi tiếng, như: Lê Văn Hưu, Lê Hy, Hà Duy Phiên, Phạm Văn Huy, Nguyễn Thu, Ngô Cao Lãng,... Truyền thống đó tiếp tục được phát huy ở hiện tại, khi Thanh Hóa là một trong những tỉnh nổi

bật về công tác “làm sử”, “viết sử” với một đội ngũ các nhà nghiên cứu đông đảo của địa phương.

Cùng với những thành tựu, công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn để phát huy vai trò của lịch sử - văn hóa, chúng ta thấy còn rất nhiều việc phải làm, góp phần bổ sung thêm những gì cần thiết để giúp ích cho việc lưu truyền, nghiên cứu lịch sử Thanh Hóa nói riêng và lịch sử Quân sự Việt Nam nói chung, nhằm giúp cho bạn đọc, đặc biệt đối với thế hệ trẻ hiểu sâu sắc thêm về những con người và sự kiện lịch sử trong sự

nghiệp dựng nước, giữ nước trước đây, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, góp phần giáo dục truyền thống và lòng tự hào đối với quê hương Thanh Hóa và Tổ quốc Việt Nam. Đó chính là lý do của sự ra đời tổ chức Liên chi hội Khoa học Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Thanh Hóa (Liên chi hội) theo yêu cầu của thực tiễn, nguyện vọng của các nhà nghiên cứu và Quyết định của Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

Thượng tướng, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu từng nói: “Tôi rất vui mừng

và hoan nghênh Thanh Hóa đã có thêm một tổ chức nghiên cứu Khoa học Lịch sử, khâu nối liên thông các Lực lượng vũ trang Thanh Hóa xưa và nay”.

Sự ra đời của Liên chi hội cùng với việc xuất bản các cuốn sách “Khoa học Lịch sử Quốc phòng - An ninh Thanh Hóa xưa và nay” là một tin vui, một việc làm có ý nghĩa

làm cần thiết, rất có ý nghĩa.

Về công tác xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển hội viên

** Tổ chức tốt Đại hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2016 - 2021*

Thực hiện Quyết định số 16/QĐ-HSH ngày 15/9/2015 của Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Đại hội lần thứ nhất Liên chi hội Khoa học lịch

phố, đặc biệt có đầy đủ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang như: Quân đội, Biên phòng, Công an, Cựu Chiến binh, Cựu Thanh niên xung phong, Cựu Quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, Câu lạc bộ sĩ quan cao cấp Quân đội, Công an cùng toàn thể hội viên Liên chi hội tới dự và phát biểu ý kiến tâm huyết, hứa hẹn kết quả tốt đẹp cho các hoạt động của Liên chi hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí. Đồng chí Hà Văn Khai được bầu làm Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch là các đồng chí Trần Văn Thịnh và Hồ Quang Sơn. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, đồng chí Hà Văn Khai vì lý do sức khỏe, xin nghỉ việc để đi điều trị. Ban Chấp hành cử đồng chí Trần Văn Thịnh tạm điều hành công việc, đến Đại hội toàn thể giữa nhiệm kỳ, đồng chí được chính thức bầu làm Chủ tịch Liên chi hội.

** Xây dựng, củng cố tổ chức*

Ban Chấp hành Liên chi hội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Liên chi hội; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của mỗi thành viên. Sinh hoạt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực được duy trì



Liên chi hội Khoa học Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Thanh Hóa tổ chức kết nạp hội viên mới năm 2021

quan trọng đối với những ai quan tâm tới khoa học lịch sử nước nhà nói chung và lịch sử lực lượng vũ trang Thanh Hóa nói riêng.

Nhìn lại chặng đường 7 năm qua, đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm, tiếp tục xây dựng Liên chi hội vững mạnh, góp phần cùng Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ tỉnh giao là việc

sử Lực lượng vũ trang tỉnh Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2016 - 2021, tại Trung tâm Hội nghị 25B của tỉnh đã được tổ chức thành công tốt đẹp. Đại hội được Thượng tướng, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam gửi lẵng hoa chúc mừng; được đại biểu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, một số huyện, thị xã, thành

KHOA HỌC THANH HÓA

theo định kỳ. Toàn Liên chi hội là một khối thống nhất, đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm, tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, là tổ chức vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, biên soạn những vấn đề lịch sử có liên quan đến lực lượng vũ trang Thanh Hóa, góp phần xứng đáng vào thành quả chung của khoa học lịch sử trong giai đoạn phát triển mới của Thanh Hóa.

Được sự đồng ý của Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, sự giúp đỡ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, sự nỗ lực của cán bộ, hội viên Liên chi hội; ngày 02/7/2021, Liên chi hội đã được kết nạp là thành viên trong khối Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, nhằm gắn kết với phong trào hoạt động chung, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Liên chi hội.

** Phát triển và nâng cao chất lượng hội viên*

Về số lượng: Do làm tốt công tác tuyên truyền, vận động với phương châm chú trọng chất lượng hơn số lượng, từ 36 hội viên lúc ban đầu được thành lập,

đến nay Liên chi hội đã có 65 hội viên được Trung ương Hội cấp thẻ Hội viên và một mạng lưới cộng tác viên rộng lớn trên 20 người đang có nguyện vọng xin gia nhập Liên chi hội nhưng chưa được kết nạp.

Về chất lượng: Các hội viên Liên chi hội gồm những cán bộ, sĩ quan đang tại ngũ hoặc đã nghỉ hưu trong các đơn vị Quân đội, Biên phòng, Công an, Cựu chiến binh, Cựu TNXP, Cựu Quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, Campuchia và các đồng chí khác là những nhà sử học, lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, nhà giáo, nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, họa sĩ,... ham thích sử học, có tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, không có biểu hiện sai trái, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều hội viên Liên chi hội là nòng cốt, là lãnh đạo chủ chốt các cơ quan Quân đội, Biên phòng, Công an, Cựu chiến binh, Cựu Thanh niên xung phong, Cựu Quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, Campuchia cũng như một số hội khác như: Hội Dân tộc học và Nhân học; Hội Di sản Văn hóa và Cổ vật Thanh

Hoa; Hội thơ; Hội Nghệ sĩ; Hội Giống cây trồng và Vật tư nông nghiệp; Hội Sinh vật cảnh; Câu lạc bộ Cảnh sát thành phố Thanh Hóa,...

Nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục trong Liên chi hội, trong mối liên hệ với các cơ quan, đơn vị hữu quan như thăm hỏi ốm đau, việc hiếu, việc hỷ đều được thực hiện đầy đủ. Nội bộ đoàn kết thống nhất chính là nguyên nhân đảm bảo thực hiện có kết quả mọi công việc của Liên chi hội.

Nhiều hội viên Liên chi hội có nhiều đóng góp cho các phong trào hoạt động chung của tỉnh, như: đồng chí Hồ Quang Sơn khôi phục nghề đúc đồng bằng phương pháp thủ công truyền thống đã bị mai một nhiều năm qua; đồng chí Trần Văn Thịnh, Nguyễn Văn Lộc, Lê Như Ninh cùng Hội Dân tộc học và Nhân học và các nghệ nhân dân tộc Dao xây dựng được bộ chữ và chương trình giảng dạy chữ Nôm Dao cho vùng đồng bào dân tộc Dao các huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Mường Lát, được UBND tỉnh phê chuẩn và cấp kinh phí cho triển khai thực hiện mấy năm nay và các năm tiếp theo;...

Xây dựng tốt hình ảnh người hội viên Liên chi hội

là những người “lính cụ Hồ” hoạt động trên lĩnh vực sử học, xã hội học, không làm điều gì sai trái ảnh hưởng đến Liên chi hội, đến phẩm chất hội viên. Hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng hình ảnh đẹp con người xứ Thanh trong con mắt bạn bè” bằng những việc làm thiết thực; hưởng ứng cuộc thi “Công dân gương mẫu, tập thể kiểu mẫu” do tỉnh phát động, nhiều hội viên Liên chi hội đạt giải cao, như đồng chí Lê Reo, Ủy viên Ban Chấp hành Liên chi hội đạt giải Nhì được tỉnh khen thưởng. Cùng với đó, một số hội viên Liên chi hội được biểu dương trên các Báo Thanh Hóa, Báo Văn hóa và Đời sống, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh như các bài: “Tuổi cao gương sáng” (Đài Phát thanh và Truyền hình); “Người công dân ưu tú”, “Một đời cống hiến cho Khoa học - Lịch sử - Văn hóa” (Báo Thanh Hóa, Báo Pháp luật); “Sáng danh người tuổi hưu trí” (Báo Văn hóa và Đời sống, Báo Dân trí Hà Nội),...

Thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn

** Nghiên cứu, biên soạn lịch sử những vấn đề về lực lượng vũ trang*

Liên chi hội xác định công tác nghiên cứu, biên

soạn lịch sử là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của mỗi hội viên. Nhiều hội viên đã tích cực học tập nâng cao trình độ qua nghiên cứu, trao đổi nội dung các vấn đề nêu ra trong các số “Tập chí xưa và nay” của Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam; tham dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Trung ương Hội tổ chức tại Quy Nhơn, Bình Định gồm 3 đồng chí: Lê Reo, Vũ Quốc Oai, Lê Như Ninh; sau đó được truyền đạt và thảo luận trong Liên chi hội; các tác phẩm, bài viết, bài dự thi của hội viên đều được trao đổi, tọa đàm trong Liên chi hội. Từ đó, tay nghề mỗi hội viên từng bước được nâng cao, không khí học hỏi trong Liên chi hội được duy trì.

** Hoàn thành bản thảo và in ấn cuốn sách “Khoa học Lịch sử Quốc phòng - An ninh Thanh Hóa xưa và nay tập III” trong tháng 7/2022 do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành*

Sách dày 820 trang, in màu, được Thượng tướng, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu viết lời đề tựa trước lúc đi xa (xuân Canh Tý - 2020); đồng chí Đỗ Trọng Hưng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND

tỉnh, Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh viết lời giới thiệu; PGS.TS. Trần Đức Cường, Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam gửi thư chúc mừng,... thể hiện sự đánh giá của các nhà lãnh đạo, nhà lịch sử về giá trị của cuốn sách và về sự đóng góp của Liên chi hội cho lịch sử quân sự Việt Nam nói chung và lịch sử lực lượng vũ trang Thanh Hóa nói riêng.

** Tuyên truyền, quảng bá, tư vấn, phản biện, khuyến khích học sử*

Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Văn hóa và Đời sống tỉnh phát trên sóng truyền hình và trên các mặt báo về Chiến lũy Ba Đình, Chiến khu du kích Ngọc Trạo, chiến thắng Hàm Rồng, chiến thắng lịch sử Đông Xuân (1953 - 1954) với đỉnh cao là Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, về chiến thắng Biên giới phía Bắc chống bành trướng xâm lược; về mối quan hệ với Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Thượng tướng, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong việc làm sách và những tình cảm tốt đẹp, ấn tượng sâu sắc, tri ân của toàn Liên chi hội trả lời phỏng vấn của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa, Báo

KHOA HỌC THANH HÓA

Văn hóa và Đời sống khi Đại tướng, Thượng tướng qua đời. Tổ chức đến dâng hoa, dâng hương tưởng niệm, tỏ lòng biết ơn Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Vũng Chùa - Đảo Yến; Thượng tướng, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Đông Khê, Đông Sơn, Thanh Hóa và 36B/7 Lý Nam Đế, Hà Nội; NGND. GS. Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, tại Trần Thánh Tông, Hà Nội.

Đối với tất cả các sự kiện lớn, nhỏ của tỉnh, của các đơn vị lực lượng vũ trang, Liên chi hội đều tích cực tham gia phù hợp với khả năng, điều kiện của mình, như: dự hội thảo, viết bài giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng về 990 năm Danh xưng Thanh Hóa, điển hình tiên tiến lực lượng vũ trang trên các tạp chí, các báo: Quân đội nhân dân, Giáo dục và Thời đại, Kinh doanh và Pháp luật, Thanh Hóa, Văn hóa và Đời sống, Tạp chí Dân tộc và Thời đại, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Tạp chí Di sản văn hóa, Văn hóa nghệ thuật; tham gia các cuộc thi tìm hiểu về quan hệ quốc tế Việt - Lào, về sự kiện 92 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, 130 năm ngày

sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng trong cuộc sống của tôi, luôn đạt giải cao; một số hội viên là tác giả nhiều đầu sách có giá trị, được mời viết bài, mời tham gia Ban Chỉ đạo, Ban Biên soạn các công trình Địa chí của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường; được cấp thẻ tham dự các hội nghị báo cáo viên của tỉnh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Duy trì nền nếp, chế độ sinh hoạt chuyên môn, đọc và trao đổi bài viết, bài dự thi của hội viên; trao thưởng 2 lần cho 6 học sinh đạt giải bộ môn sử trong 2 kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm 2017, 2018.

Tham gia góp ý “Đề án xây dựng và phát triển Thanh Hóa đến năm 1930, tầm nhìn đến năm 2045”, “Đề án Ngân hàng đặt tên đường phố”, “Đề án xây dựng hình ảnh đẹp con người xứ Thanh trong con mắt bạn bè”. Tham gia 2 hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: “Nghiên cứu bộ từ điển Thái - Việt trên địa bàn Thanh Hóa” do UBND huyện Thường Xuân thực hiện; “Bộ từ điển tiếng Thái cổ đưa vào phần mềm vi tính” do ông Hà Văn Thương thực hiện.

** Tri ân đồng đội*

Phối hợp với Câu lạc bộ Doanh nhân Thanh Hóa tại thành phố Hồ Chí Minh, in và phát hành cuốn sách “Văn quan - Võ tướng xứ Thanh”; tặng 3 căn nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách nghèo gặp hoàn cảnh khó khăn tại xã Đông Quang (huyện Đông Sơn), xã Vĩnh Hùng (huyện Vĩnh Lộc), xã Yên Phú (huyện Yên Định - năm 2017) mỗi hộ trị giá 50 triệu đồng bằng tiền phát hành cuốn sách.

Phối hợp với Trung tâm hỗ trợ phát triển Dân tộc học các tỉnh phía Nam tặng quà cho các hộ gia đình chính sách nghèo gặp hoàn cảnh khó khăn các huyện Triệu Sơn, Bá Thước, Vĩnh Lộc; trao quà cứu trợ các gia đình bị thiệt hại do bão lụt năm 2019 tại xã Trung Thành, huyện Quan Hóa bằng nguồn kinh phí vận động, tổng số tiền trên 100 triệu đồng.

Tháng 7/2020, nhân kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, Ban Chấp hành Liên chi hội đã cử đoàn công tác gồm 6 đồng chí đến dâng hương, dâng bức ảnh lớn di tích cầu Hàm Rồng lịch sử, ghi sổ lưu niệm tại di tích Thành cổ Quảng Trị, thả hoa đăng tri ân các Liệt sĩ hy sinh trên dòng sông Thạch Hãn.

Thăm, dâng hương, dâng bức ảnh cầu Hàm Rồng lịch sử, ghi sổ lưu niệm tại Nghĩa trang Trường Sơn, Nghĩa trang Đường 9 - Nam Lào,...

Khó khăn tồn tại còn không ít và còn cần ra sức khắc phục. Song những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ công tác Liên chi hội trong 7 năm qua chính là những biện pháp cơ bản xây dựng Liên chi hội vững mạnh.

Một là, làm tốt công tác chính trị tư tưởng, thống nhất nhận thức về tính chất, về khó khăn, nhằm phát huy bản chất tốt đẹp của “Người lính Cụ Hồ”, tự nguyện tự giác nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hai là, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, nêu cao ý thức, tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, nâng cao chất lượng hội viên, hoàn thành dứt điểm các trọng tâm, trọng điểm công tác trong từng thời gian.

Ba là, xây dựng khối đoàn kết thống nhất, nghĩa tình: Sống chân thành, chan hòa, trung thực, không tính toán thiệt hơn. Trong đó, các thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực phải là những người nêu gương, dám làm dám chịu trách nhiệm, chịu thiệt thòi về kinh tế.

Bốn là, tổ chức và hoạt động Liên chi hội có tính

chất đặc thù, có rất nhiều mối quan hệ xã hội khác nhau, nên cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, xây dựng mối quan hệ tốt với các cá nhân, đơn vị hữu quan.

Nhìn lại kết quả hoạt động của Liên chi hội những năm qua, rút ra những bài học kinh nghiệm tiếp tục xây dựng và phát triển Liên chi hội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới là việc làm thiết thực, góp phần vào thành quả chung Kỷ niệm 28 năm Ngày thành lập Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (28/10/1994 - 28/10/2022)/.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 10)

(...) Phong trào ”Đoàn kết, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế”... Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thực hiện Thư kêu gọi của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, của lãnh đạo tỉnh phát động, Liên hiệp hội đã phổ biến, tuyên truyền đến đội

ngũ cán bộ, hội viên nghiêm túc thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đồng thời vận động quần góp ủng hộ Quỹ phòng, chống Covid-19 của tỉnh đạt kết quả, góp phần chung tay cùng với cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các ban, ngành và các tầng lớp Nhân dân phòng, chống dịch hiệu quả.

Thông qua hoạt động và những đóng góp với Ủy ban MTTQ tỉnh, Liên hiệp hội ngày càng khẳng định và phát huy vai trò của mình trong xã hội, xứng đáng là một trong những tổ chức thành viên tích cực của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa./.

Hội Điều dưỡng tỉnh Thanh Hoá

5 năm hoạt động (2017-2022) và những thành tựu đóng góp vào sự phát triển của ngành điều dưỡng

TTUT. Đặng Thị Thu

Chủ tịch

Hội Điều dưỡng tỉnh Thanh Hoá

Trái qua 5 năm hoạt động (2017 - 2022), Hội Điều dưỡng tỉnh Thanh Hoá đã gắn bó và đồng hành với sự phát triển của ngành điều dưỡng, đã trở thành một tổ chức vững mạnh đại diện cho tiếng nói hội viên toàn tỉnh và đang vững bước trên con đường thực hiện sứ mệnh “Vì nghề nghiệp,



Hội nghị sơ kết công tác Hội Điều dưỡng tỉnh Thanh Hóa 6 tháng đầu năm 2022 và tập huấn an toàn người bệnh

vì hội viên và vì sức khoẻ cộng đồng”.

Sự phát triển của Hội đã tạo tư duy mới về tổ chức hội nghề nghiệp, đồng thời khẳng định hội tồn tại và phát triển bền vững theo nguyên tắc: Tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm và tự trang trải kinh phí hoạt động.

Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá. Với sự đoàn kết, quyết tâm, trong 5 năm qua, Hội Điều dưỡng tỉnh không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới hội ở các cơ sở khám chữa bệnh. Hội đã tham gia các hoạt động tư vấn và xây dựng chính sách cho điều dưỡng, tăng cường năng lực đào tạo liên tục, năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời nâng cao y đức, văn hoá phục vụ. Hoạt động của Hội đã góp phần động viên đội ngũ điều dưỡng thêm yêu nghề nghiệp và thúc đẩy công tác chăm sóc tại các cơ sở khám chữa bệnh làm chuyển đổi bộ mặt chăm sóc điều dưỡng.

Hoạt động của Hội điều dưỡng luôn gắn liền với các phong trào của ngành y tế như: Chăm sóc người bệnh toàn diện, các Hội thi điều dưỡng giỏi - thanh lịch, giao

tiếp ứng xử, an toàn người bệnh, 5S, phong trào Xanh - Sạch - Đẹp,... đã góp phần thúc đẩy thực hiện các mục tiêu chung của ngành y tế.

Những kết quả hoạt động của Hội điều dưỡng:

Mạng lưới của Hội:

Hiện nay, có 27 huyện, thành phố đã thành lập 38 chi hội với 4.536 hội viên; trình độ chuyên môn: sau đại học: 42, đại học: 1153, cao đẳng: 2679, trung cấp: 469, trình độ khác: 193. Mạng lưới của Hội phát triển phủ rộng toàn tỉnh.

Tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu điều dưỡng:

Hội đã nhận ra nhu cầu nghiên cứu điều dưỡng là chìa khoá để đi vào khoa học và phát triển nghề nghiệp nên các hội viên đã tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào công tác chăm sóc người bệnh, trong 5 năm qua có 776 đề tài nghiên cứu và sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Về công tác đào tạo, tập huấn hàng năm: Hội điều dưỡng duy trì tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo hàng năm, như: an toàn người bệnh, tư vấn giáo dục sức khoẻ, kiểm soát nhiễm khuẩn, 5S, kỹ năng giao tiếp ứng xử... Các hội viên được cấp chứng

chỉ đào tạo theo chuyên đề được tập huấn.

Hội Điều dưỡng đã phối hợp với các chi hội điều dưỡng, các trường đào tạo điều dưỡng, phổ biến và triển khai các khoá học để tăng cường công tác điều dưỡng - hộ sinh thông qua các chương trình đào tạo về quản lý điều dưỡng và chương trình đào tạo liên tục.

Nâng cao y đức và phong cách phục vụ:

Các chi hội phối hợp cùng với phòng điều dưỡng các bệnh viện tổ chức hội thi “Điều dưỡng - Hộ sinh giỏi thanh lịch” được tổ chức hàng năm đã trở thành hoạt động thường quy tại các cơ sở y tế trong tỉnh, ngày càng phát triển cả về hình thức và nội dung, hội thi được đưa vào đánh giá chất lượng bệnh viện hàng năm.

Hàng năm, Hội tổ chức phong trào thi đua thực hiện chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên do Hội Điều dưỡng Việt Nam ban hành, chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng đã và đang triển khai rộng rãi trong các cơ sở y tế và đã tạo chuyển biến về y đức, y nghiệp của hội viên.

Đặc biệt, những năm qua trong cuộc chiến chống COVID-19, nhiều hội viên

KHOA HỌC THANH HÓA

điều dưỡng trong tỉnh đã can đảm và chuyên nghiệp đối phó với dịch bệnh nguy hiểm. Đại dịch COVID-19 giúp chúng ta nhìn nhận sâu sắc hơn về sự đóng góp của mỗi hội viên với vai trò là người chiến sỹ tuyến đầu. Họ đã vượt lên nguy cơ của dịch bệnh, dẫn thân vào nơi nguy hiểm, phối hợp với các thầy thuốc thực hiện hàng loạt các hoạt động như: Sàng lọc người bệnh, tổ chức cách ly, kiểm soát nhiễm khuẩn, theo dõi, chăm sóc và là chỗ dựa về tinh thần cho người bệnh COVID-19.

Công tác thi đua khen thưởng:

Hàng năm, Hội Điều dưỡng tỉnh bình xét thi đua và đề nghị các cấp khen thưởng cho các hội viên đạt thành

tích xuất sắc trong công tác hội được tặng thưởng như sau: 11 bằng khen của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Hội Điều dưỡng Việt Nam; 150 bằng khen của UBND tỉnh và UBND tỉnh bạn về công tác Phòng chống dịch; 237 giấy khen của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Hội Điều dưỡng tỉnh. Bên cạnh những kết quả đạt được trong 5 năm qua, công tác Hội còn gặp một số khó khăn, tồn tại như sau:

Một là, Hội các cấp cơ sở đều gặp khó khăn về nguồn lực (chưa có nhân lực chuyên trách, chưa có địa điểm làm việc, kinh phí hoạt động eo hẹp) để duy trì và mở rộng hoạt động. Việc thu hút nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động của Hội

có nhiều khó khăn, hạn chế, đòi hỏi Hội phải điều chỉnh tổ chức và phương pháp hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế.

Hai là, một số chi hội hoạt động rời rạc, chưa có chiều sâu, các hoạt động của một số chi hội chỉ tập trung chủ yếu vào công tác chính quyền hơn là các hoạt động mang tính chủ động của Hội.

Ba là, hoạt động tư vấn, phản biện chính sách của các chi hội còn nhiều hạn chế, chưa tác động được tới chính sách cho điều dưỡng tại địa phương, cơ sở và chưa thu hút được đông đảo hội viên.

Bốn là, chính sách nhân lực điều dưỡng chăm sóc người bệnh còn bất cập, cơ chế tự chủ tài chính đang tăng áp lực cho toàn thể nhân viên y tế, đặc biệt là đội ngũ điều dưỡng.

Trong 5 năm qua (2017 - 2022), Hội Điều dưỡng tỉnh Thanh Hoá đã có nhiều nỗ lực hoàn thành cơ bản các mục tiêu mà hội đề ra. Ban Lãnh đạo Hội tích cực chỉ đạo các chi hội hoàn thành nhiệm vụ với phương châm hành động “Đoàn kết vì sự phát triển nghề điều dưỡng và sự hài lòng của người bệnh”./.



Lớp tập huấn cho các cán bộ điều dưỡng

THƠ ĐƯỜNG LUẬT

TRONG CUỘC SỐNG ĐƯƠNG ĐẠI

Trần Đàm

Phó Chủ tịch

Hội thơ Đường luật Thanh Hóa

Thơ Đường luật hình thành và phát triển từ thời nhà Đường ở Trung Quốc. Với những tên tuổi lừng lẫy, như: Thánh thơ Đỗ Phủ, Tiên thơ Lý Bạch, Phật thơ Vương Duy. Nhà Đường đã lấy các cuộc thi thơ để chọn người làm quan, lấy thơ Đường để làm tư tưởng chỉ đạo. Thơ Đường đã phát triển rực rỡ ở thời Đường Trung Quốc và lan sang một số nước trong đó có Việt Nam.

Thơ Đường bắt đầu xuất hiện từ thời nhà Đường (Trung Quốc), sau đó du nhập vào Việt Nam. Đầu tiên là các tác giả Việt Nam làm thơ bằng chữ Hán, sau đó dần dần Việt hóa và đã trở thành thể loại thơ không thể thiếu của các thế hệ người Việt. Với những cây bút nổi tiếng như: Nguyễn Mộng

Tuân, Lý Tử Tấn, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc...

Đặc biệt phải kể đến bài thơ tứ tuyệt “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt mà người Việt Nam coi đây là bản Tuyên ngôn độc lập của nước ta:

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”*

Nghĩa là:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Điều đó đã được khảng định
tại sách trời*

*Cớ sao lũ giặc lại đến xâm phạm
Chúng bay sẽ phải nhận lấy
thất bại thảm hại.*

Thơ Đường tồn tại và phát triển hàng trăm năm ở Việt

Nam, đã có rất nhiều tập thơ Đường luật qua các thời kỳ lịch sử cách mạng. Riêng Thanh Hóa cũng đã có một đội ngũ đông đảo tác giả làm thơ Đường và đã xuất bản nhiều tập thơ Đường ở văn phòng hội và ở nhiều chi hội cơ sở. Điều đó khẳng định thơ Đường của Trung Quốc đã được Việt hóa thành thể thơ Đường luật của Việt Nam. Thơ Đường luật Việt Nam đang đồng hành cùng dân tộc Việt và phát triển mạnh trong cuộc sống đương đại của chúng ta.

Về thi pháp, khác với các thể loại thơ khác như lục bát thơ tự do, thơ Đường luật có 2 loại: Thất ngôn bát cú và Tứ tuyệt. (mỗi bài thơ chỉ 8 câu hoặc 4 câu, mỗi câu 7 từ). Thơ Đường luật phải tuân thủ 5 yếu tố (Thất ngôn bát cú Đường luật):

KHOA HỌC THANH HÓA

Yếu tố 1: Vần.

Bài thất ngôn bát cú có 5 vần ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8. Lại có những loại vần: chính vận, bàng vận, viễn vận, độc vận.

Yếu tố 2: Luật.

Luật là sự sắp xếp các từ theo thanh điệu bằng - trắc trong cùng một câu.

Yếu tố 3: Niêm

Niêm có nghĩa là dính nhau, là có mối liên hệ giống nhau về thanh điệu giữa các câu, là sự sắp xếp các từ có thanh điệu bằng - trắc theo hàng dọc.

Xét về niêm, ta cũng chỉ cần để ý đến các từ 2 - 4 - 6. Những câu niêm với nhau lại là những câu có các từ 2 - 4 - 6 giống nhau về thanh điệu bằng - trắc.

Câu 1 niêm với câu 8,

Câu 2 niêm với câu 3,

Câu 4 niêm với câu 5,

Câu 6 niêm với câu 7.

Yếu tố 4: Đối ngẫu

Bài thơ bát cú có 2 cặp đối:

Cặp thực: Câu 3 đối với câu 4

Cặp luận: Câu 5 đối với câu 6

Ví dụ một số cặp đối:

*Vó ngựa đạp bằng quân Bắc Quốc
Đầu voi san phẳng giặc Ngô Vương*

(Trong bài thơ *Triệu Trinh Nương* của Nguyễn Thị Nhường)

*Mắt soi trăm sách tìm câu chữ
Chân lượn muôn nhà lượn sắc hương*

(Trong bài thơ *Nợ tang bồng* của

Văn Hội Tiên Sinh)

*Bảng đen nghĩ đến lòng da diết
Phấn trắng nhớ về dạ vấn vương*

(Trong bài thơ về hưu *Nhớ tiếng trống trường* của Lê Xuân Đồng)

*Kỳ hoa dị thảo rừng buông nằng
Suối ngọc thuyền trắng thác thả vàng*

(Trong bài thơ *Tiên cảnh phong châu* của Trần Đàm)

Yếu tố 5: Bố cục bài thơ

Bài thơ Đường luật bát cú có nhiều cách bố cục, nhưng bố cục 2 - 2 - 2 - 2 thường được dùng phổ biến hơn. Trong đó, bài thơ được chia làm 4 phần, mỗi phần 2 câu: Đề - thực - luận - kết.

Để bài thơ không khô khan, dập khuôn thì ta phải chọn đề tài hay, sau đó lập ý và cấu tứ cho chặt chẽ, chọn những từ đẹp, mới lạ để diễn tả thì bài thơ sẽ hấp dẫn.

Tác phẩm văn học nói chung và thơ Đường luật nói riêng, phải bám sát cuộc sống, bám sát hơi thở, thời đại thì tác phẩm mới có giá trị. Riêng tỉnh Thanh Hóa đã xuất bản hàng trăm tập thơ Đường, hàng vạn bài đăng sách báo phục vụ cuộc sống đương đại. Nhiều thi pháp rất hay đã được thể hiện sự tài hoa, thanh tao của những áng thơ hay. Từ mấy chục năm nay, Hội thơ Đường luật tỉnh đã xuất bản vài chục tập, với hàng ngàn bài thơ

của hàng trăm tác giả, với các đề tài bám sát đời sống xã hội, do đó thơ Đường luật ở Thanh Hóa đã có chỗ đứng và được người đọc đón nhận. Hội đã tổ chức nhiều cuộc thi thơ, như: Cuộc thi thơ về thành phố Thanh Hóa với hàng trăm tác giả tham gia, Cuộc thi thơ về nông thôn mới, Cuộc vận động sáng tác về phòng chống dịch Covid-19, Cuộc thi sáng tác thơ về vua Hùng... được đông đảo các nhà thơ trong cả tỉnh tham gia. Tháng 5/2022, được sự hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, Hội đã tổ chức thành công Hội thảo "Thơ đường luật trong cuộc sống đương đại" với sự tham gia của các nhà lý luận phê bình văn học trong và ngoài tỉnh cùng hơn 200 hội viên.

Với những kết quả đạt được, Hội thơ Đường luật tỉnh sẽ tiếp tục nỗ lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các hội viên được tham gia các cuộc thi, hội thảo về thơ Đường luật trong tỉnh và toàn quốc, từ đó phát huy sức sáng tạo, trí tuệ và đóng góp của cán bộ, hội viên trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa./.

DÒNG CHẢY TỐI THIỂU

trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

KS. Phạm Xuân Quý
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa

Thanh Hóa là tỉnh cực Bắc của dải đất miền Trung, là cửa ngõ nối liền ba miền Bắc - Trung - Nam, nhưng lại chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu (BĐKH). Theo các kịch bản BĐKH (phát thải trung bình thấp RCP 4.5; phát thải trung bình cao RCP 6.0 và phát thải cao RCP 8.5), nhiệt độ, lượng mưa và mực nước biển dâng (NBD) đều tăng theo từng giai đoạn (xem bảng 1 và bảng 2 dưới đây).

Bảng 1. Mức tăng nhiệt độ và lượng mưa năm qua các thời kỳ

Kịch bản	Yếu tố	Mức tăng từng thời kỳ			Ghi chú
		Đầu TK21 2016 - 2035	Giữa TK21 2046 - 2060	Cuối TK21 2080 - 2099	
Kịch bản RCP 4,5	Nhiệt độ	0,7 - 0,8°C	1,5 - 1,7°C	2,3 - 2,4°C	So với thời kỳ cơ sở 1986 đến 2005
	Lượng mưa	0 - 15%	10 - 20%	10 - 25%	
Kịch bản RCP 6	Nhiệt độ	0,6°C	1,1 - 1,2°C	2,2°C	
	Lượng mưa	<5%	5 - 10%	10 - 15%	
Kịch bản RCP 8.5	Nhiệt độ	0,9 - 1,0°C	2,0 - 2,3°C	3,6 - 4,1°C	
	Lượng mưa	2 - 24%	10 - 25%	10 - 35%	

Bảng 2. Mực NBD và Diện tích ngập do NBD của tỉnh Thanh Hóa
(Theo kịch bản RCP 8.5)

Yếu tố	ĐVT	Thời kỳ đến năm			Ghi chú
		2030	2060	2100	
Mực NBD	cm	13(9-18)	32(17-35)	72(35-78)	So với diện tích tự nhiên toàn tỉnh
Diện tích ngập	ha	14.598,00	15.008,00	17.879,00	
Tỷ lệ	%	13,18	13,55	16,14	

KHOA HỌC THANH HÓA

Theo số liệu dự báo trong các bảng 1&2 trên đây, chúng ta dễ dàng nhận thấy lượng mưa năm trung bình nhiều năm (TBNN) trên địa bàn tỉnh có tăng nhưng lại phân bố không đều theo không gian và thời gian, kéo theo sự phân phối dòng chảy không đều trong năm. Về mùa mưa, lượng mưa chiếm tỷ lệ 75-80% tổng lượng mưa năm (TLMN), nhưng mùa khô lượng mưa chỉ từ 20-25% TLMN. Đây là lượng mưa hình thành dòng chảy cơ bản của các lưu vực sông (LVS), là cơ sở để xác định dòng chảy tối thiểu (DCTT) của các sông, suối và hạ lưu các đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên lượng dòng chảy cơ bản này lại phụ thuộc đến 60% vào nguồn nước liên tỉnh và xuyên biên giới.

Vấn đề sụt giảm dòng chảy và mực nước trên sông, suối về mùa khô đang là thách thức lớn đối với nhu cầu phát triển của tỉnh. Lượng dòng chảy sông Mã sụt giảm trên 70% so với TBNN cùng thời kỳ tháng (I-VI), chỉ khoảng $50 \text{ m}^3/\text{s}$ tại Cẩm Thủy. Mực nước



Ảnh minh họa (sưu tầm)

sông Mã xuống quá thấp: tại Lý Nhân, mực nước chỉ dao động từ cao độ $+ (1,7-2,2)\text{m}$, thấp hơn mực nước thiết kế bề hút của trạm bơm Kiểu (ở cao độ $+3,2\text{m}$) từ $(1,0-1,5)\text{m}$, tại TB Vĩnh Hùng, ở cao độ $+1,00\text{m}$ thấp hơn mực nước thiết kế là $+1,90\text{m}$; tại TB Hoàng Khánh, mực nước ở cao độ $-1,2\text{m}$ thấp hơn $1,0\text{m}$ so với mực nước thiết kế (ở cao độ $-0,2\text{m}$). Theo báo cáo từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, LVS Mã có mức lấy nước vào mùa khô rất lớn 79-82% và là sông có mức độ căng thẳng nhất về nước vào mùa khô.

Chúng ta đều biết nước là nguồn tài nguyên cần thiết cho sự sống, sức

khỏe của con người và là một phần quan trọng của hệ sinh thái. Nước là nhân tố không thể thiếu và quan trọng đặc biệt trong sự phát triển kinh tế - xã hội của bất kỳ quốc gia nào. Tuy nhiên, đi cùng với sự phát triển, nhu cầu về sử dụng nước ngày càng tăng trong khi nguồn nước ngày càng suy giảm trước tác động của BĐKH. Do vậy việc xác định DCTT trên các sông, suối và ở hạ lưu các đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, đang là vấn đề bức xúc, đã và đang được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, từ cách tiếp cận về định nghĩa và các phương pháp tính toán xác định, đề xuất các giải pháp

để đảm bảo DCTT.

Theo quy định của Chính phủ, "Dòng chảy tối thiểu" là dòng chảy ở mức thấp nhất cần thiết để duy trì dòng sông hoặc đoạn sông, bảo đảm sự phát triển bình thường của hệ sinh thái thủy sinh và bảo đảm mức tối thiểu cho hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các đối tượng sử dụng nước theo thứ tự ưu tiên đã được xác định trong quy hoạch LVS. Việc xác định, công bố dòng chảy tối thiểu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Còn theo định nghĩa của IUCN (Tổ chức Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên), "Dòng chảy môi trường" (DCMT) là chế độ nước được cung cấp trong một dòng sông, vùng đất ngập nước hoặc vùng ven bờ để duy trì các hệ sinh thái và những lợi ích của chúng ở những nơi dòng chảy bị điều tiết và có sự cạnh tranh trong sử dụng nước. Dòng chảy môi trường góp phần vô cùng quan trọng đối với sức khỏe của dòng sông, sự phát triển kinh tế và giảm đói nghèo. Chúng

đảm bảo tính sẵn có liên tục của nhiều lợi ích mà dòng sông khỏe mạnh và các hệ thống nước dưới đất mang lại cho xã hội.

Tuy có hai cách gọi khác nhau, nhưng nội hàm vẫn là một. DCMT được biểu thị bởi một chế độ dòng chảy đáp ứng yêu cầu bảo vệ các hệ sinh thái thủy sinh khi nguồn nước bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khai thác sử dụng nước trên sông. Còn DCTT lại được biểu thị là dòng chảy ở mức thấp nhất nhằm duy trì các hệ sinh thái thủy sinh và bảo đảm mức tối thiểu cho các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước (TNN). Như vậy, DCTT và DCMT có quan hệ mật thiết với nhau, DCMT sẽ là DCTT khi đáp ứng được yêu cầu duy trì dòng sông và bảo đảm mức tối thiểu cho các hoạt động khai thác TNN trên sông.

Từ đó, có thể suy ra DCTT là một hàm số (f_{DCTT}) của các biến số, bao gồm: Dòng chảy, mực nước nhỏ nhất để duy trì dòng sông (Q_{DTDS} , H_{DTDS}); Dòng chảy, mực nước cần thiết cho hệ sinh thái thủy sinh, gọi là

dòng chảy sinh thái (Q_{ST} , H_{ST}); Dòng chảy, mực nước cần thiết cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, gọi là dòng chảy khai thác sử dụng (Q_{KTSD} , H_{KTSD}); và Dòng chảy, mực nước cần thiết để đảm bảo cảnh quan môi trường và đầy mặn, gọi là dòng chảy môi trường, đầy mặn ($Q_{MT,DM}$, $H_{MT,DM}$).

$$(Q_{DCTT}, H_{DCTT}) = (Q_{DTDS}, H_{DTDS}) + (Q_{ST}, H_{ST}) + (Q_{KTSD}, H_{KTSD}) + (Q_{MT,DM}, H_{MT,DM}) \quad (1)$$

Do vậy để đảm bảo xác định được giá trị của DCTT trên sông, suối và hạ lưu đập, hồ chứa cần phải tiến hành theo công thức (1) nói trên.

Tuy nhiên trong thực tế lại không hề đơn giản, bởi ngoài các nguyên tắc xác định DCTT do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, bao gồm: (i) Việc xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa phải được thực hiện đối với từng vị trí cụ thể trên sông, suối và phải đảm bảo tính hệ thống trên lưu vực sông; (ii) Bảo đảm công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước, giữa

KHOA HỌC THANH HÓA

các địa phương ở thượng du và hạ du; (iii) Phù hợp với đặc điểm nguồn nước, chế độ dòng chảy trên sông suối đặc điểm địa hình, nhu cầu sử dụng nước, vai trò của sông, suối trong hệ thống sông và các chức năng khác của nguồn nước; phù hợp với quy mô, phương thức khai thác, khả năng vận hành điều tiết nước của hồ chứa; và (iv) Phù hợp với các thỏa thuận và cam kết chia sẻ lợi ích trong khai thác sử dụng nước với các quốc gia láng giềng có chung nguồn nước. Các nội hàm của DCTT còn liên quan đến nhiều ngành khác nhau về mặt kinh tế và kỹ thuật, đòi hỏi phải được tính toán dựa trên cơ sở căn cứ vào Quy chuẩn, Tiêu chuẩn do Nhà nước ban hành, chẳng hạn như đối với một số ngành, lĩnh vực sau:

- Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn cần phải tính toán sao cho lòng sông tại vị trí xác định không phát sinh bồi lắng làm giảm mặt cắt ướt của sông (Q_{DTDS} , H_{DTDS}), lượng nước cần cho các loài thủy sinh di chuyển như xả dòng

chảy sinh thái cho các loài thủy sinh qua cống xả riêng biệt hoặc đường cho cá đi... (Q_{ST}); lượng nước cần cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt (Q_{KTSD}), hoặc cho nhu cầu đẩy mặn (Q_{DM}).

- Ngành Giao thông cần xác định mực nước để đảm bảo mớn nước cho tàu, thuyền lưu thông ở đoạn sông có yêu cầu giao thông thủy (HDTDS).

- Ngành Xây dựng cần xác định nhu cầu cấp nước đảm bảo cho NSH, xử lý nước thải và đảm bảo cảnh quan môi trường (Q_{KTSD}).

- Ngành Công nghiệp, dịch vụ và du lịch xác định nhu cầu cấp nước (Q_{KTSD} ; H_{KTSD}) cho phát điện, khu kinh tế, khu công nghiệp, dịch vụ và du lịch...

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, rất cần thiết phải có sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp và thực hiện quản lý tổng hợp TNN theo LVS, không để tình trạng chia cắt theo địa giới hành chính hoặc theo ngành, lĩnh vực, đảm bảo việc xác định DCTT một cách đồng bộ, chuẩn xác

để phục vụ cho các nhiệm vụ: Quy hoạch TNN; quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành có khai thác, sử dụng TNN trên các sông, suối; Quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; Kế hoạch, phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông; Dự án xây dựng hồ chứa trên các sông, suối; dự án chuyển nước lưu vực sông; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng TNN; Các dự án có liên quan trực tiếp đến việc duy trì, bảo đảm DCTT trên sông, suối. Xin kiến nghị một số nội dung cụ thể sau:

Một là, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần xem xét sửa đổi, bổ sung điều chỉnh một số nội dung trong Thông tư 64/2017/TT-BT-NMT Quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa và đập dâng, trong đó cần làm rõ:

- Các thành phần của DCTT và phương pháp tính toán xác định DCTT (Điều 7 của Thông tư) một cách cụ thể và chi tiết hơn;

- Việc điều tra, khảo sát, tính toán xác định DCTT và lập thành hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt, Thông tư nêu chưa rõ ràng ngay từ tiêu đề (Điều 9. Công bố dòng chảy tối thiểu), theo chúng tôi, tiêu đề của Điều 9 phải là: Điều tra, khảo sát, tính toán xác định và công bố dòng chảy tối thiểu. Do đó cần phải sửa đổi lại điểm a và điểm b của Khoản 1 Điều 9;

- Phân định rõ việc điều tra, khảo sát, tính toán xác định và công bố DCTT của các sông, suối liên tỉnh (hoặc xuyên biên giới) thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, còn đối với sông nội tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Hai là, việc công bố DCTT ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện thuộc LVS Mã, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 73/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 12/01/2022, đề nghị cần xem xét lại:

- $Q_{\text{sau đập}}$ của hồ Cánh

Tạng (Hòa Bình) theo Quyết định 73/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2022 là 0,34 m³/s, như vậy không đúng với $Q = 2,0$ m³/s của Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 15/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tang, tỉnh Hòa Bình. Trong đó hồ có nhiệm vụ cấp nước bổ sung cho các công trình ở hạ lưu trong mùa kiệt (tưới 2.500 ha huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa) với lưu lượng 2,0 m³/s;

- Quyết định 73/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2022 chỉ xác định $Q_{\text{xã}}$ (DCTT) = 66,7 m³/s, đây là dòng chảy qua Tuabin nên không thể có loài thủy sinh nào tồn tại. Đề nghị bổ sung thêm DCMT sau đập thủy điện Trung Sơn 15 m³/s theo dự án, để đảm bảo cho sự di chuyển của các loài thủy sinh (chẳng hạn như cá Ngạnh, cá Lăng, cá Măng, cá Ké... là các loại cá tự nhiên trên sông Mã);

- Theo Quyết định 73/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2022, số liệu DCTT sau các công trình thủy điện Thành Sơn, Hồi Xuân,

Bá Thước 1 và Cẩm Thủy 1 đều quy định lấy theo giá trị DCTT của Quyết định 214/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Mã. Tuy nhiên trong Quyết định này cũng không có giá trị DCTT cụ thể, mà chỉ quy định xả lưu lượng không nhỏ hơn lưu lượng đến hồ. Như vậy có thể nói DCTT trên sông Mã tại các điểm tính toán (gọi là các điểm kiểm soát) chưa được xác định?

Ba là, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh những nội dung còn tồn tại trong áp dụng VBQPPL của Bộ Tài nguyên và Môi trường như đã nêu trên. Đồng thời chủ động xây dựng đề án xác định và công bố DCTT cho các sông nội tỉnh (sông Hoạt, sông Yên, sông Bạng...) phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt đối với các khu trung tâm kinh tế động lực phía Nam (Khu Kinh tế Nghi Sơn) và phía Bắc (Bỉm Sơn - Thạch Thành) trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

NGƯỜI DAO VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN TIẾNG NÓI, CHỮ VIẾT DÂN TỘC DAO THANH HÓA

Nguyễn Văn Lộc

Phó Chủ tịch

Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa

Người Dao là một trong 7 dân tộc của tỉnh Thanh Hóa, dân số hiện nay trên 6.500 người, cư trú tập trung chủ yếu ở các huyện: Cẩm Thủy, Ngọc Lặc và Mường Lát.

Thanh Hóa có 2 ngành Dao là Dao Quần Chẹt và Dao Đỏ. Dao Quần Chẹt sống ở huyện Cẩm Thủy và huyện Ngọc Lặc, Dao Đỏ sống ở huyện Mường Lát. Dao Quần Chẹt, từ các tỉnh: Quảng Ninh, Tuyên Quang, Hòa Bình, Vĩnh Phúc vào Thanh Hóa từ năm 1903. Dao Đỏ từ Lào di cư vào huyện Mường Lát từ năm 1954 đến nay.

Người Dao được gọi bằng nhiều tên khác nhau, như: Mán, Động, Trại,... Người Dao tự nhận là Kiền Miên hay Kiền Mùn, đều có nghĩa là người ở núi rừng. Ngoài ra, người Dao còn có tên là Diu Miên, phát âm theo Hán - Việt

là Dao nhân, tức là người Dao. Từ năm 1979 đến nay, nước ta chính thức gọi là dân tộc Dao.

Về đời sống kinh tế:

Trước đây, đồng bào Dao Thanh Hóa sống du canh, du cư trên núi cao, sản xuất lương thực chủ yếu bằng



Nét độc đáo của trang phục của người Dao ở Thanh Hóa (Sưu tầm)

nương rẫy du canh, phụ thuộc vào thiên nhiên, năng suất thấp, hàng năm thiếu lương thực. Chăn nuôi chủ yếu tự cấp, tự túc, phục vụ cho gia đình; ngoài ra các hoạt động săn bắn, hái lượm diễn ra phổ biến.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi, người Dao còn có nghề thủ công truyền thống, độc đáo, như: thêu dệt quần áo, làm đồ trang sức bằng bạc (vòng cổ, vòng tay, vòng chân, lục lạc, nhẫn, dây bạc), những đồ trang trí trên quần áo tạo thêm vẻ đẹp thẩm mỹ cho cuộc sống. Nghề rèn làm ra tất cả các nông cụ, công cụ lao động cần thiết cho cuộc sống hàng ngày, đạt đến trình độ cao, như: cào, cuốc, dao, rìu, đặc biệt là làm súng kíp, súng hỏa mai, đúc đạn bằng gang. Nghề làm giấy, nấu cao chàm,... chủ yếu phục vụ gia đình hoặc thôn bản, chưa trở thành hàng hóa, ngày nay ít dần và không còn như làm súng kíp.

Từ năm 1968 đến nay, thực hiện cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; người Dao Thanh Hóa đã sống tập trung thành thôn bản định canh, định cư. Người Dao Quần Chẹt vùng

Cẩm Thủy, Ngọc Lặc đã sản xuất lương thực bằng ruộng nước, ruộng bậc thang; ngoài trồng lúa còn trồng thêm ngô, khoai, sắn, đậu, lạc,... và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm (gà, vịt, trâu, bò, dê,...) ; trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng. Đời sống vật chất và tinh thần nhân dân được cải thiện và ngày càng nâng cao, nhiều hộ làm được nhà kiên cố, mua được nhiều đồ dùng sinh hoạt đắt tiền như xe máy, ti vi, tủ lạnh,... Nhiều con em có trình độ đại học, cao đẳng; làm công chức, viên chức. Tuy nhiên, một số hộ ở vùng cao, biên giới huyện Mường Lát đời sống còn khó khăn.

VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

Dân tộc Dao Thanh Hóa có tiếng nói, chữ viết riêng; có trang phục và tập quán, tín ngưỡng riêng.

Tiếng nói: Các nhóm Dao đều nói chung một thứ tiếng là tiếng Dao, thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao. Hiện nay, người Dao vẫn giữ được tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình, ít pha tạp tiếng dân tộc khác, đồng thời người Dao còn thông thạo tiếng Việt, người Dao huyện Mường Lát còn thông thạo tiếng Thái, người Dao huyện Cẩm Thủy và Ngọc Lặc còn thông thạo

tiếng Mường để giao tiếp trong vùng.

Trang phục: Thể hiện rõ nét ở trang phục người phụ nữ với bộ áo xiêm có thêu hoa văn sắc sỡ, lâu đời và bộ trang sức bằng bạc,...

Tập quán, tín ngưỡng: Dân tộc Dao có tết Nguyên đán, tết Thanh Minh, tết Cơm mới, tết nhảy, tết năm cùng và nhiều tục lệ khác, như: Thờ cúng Bàn Vương, lễ tạ mã, lễ cấp sắc, lễ cưới hỏi, lễ thượng điền, hạ điền; lễ cầu vía, lễ khai sinh,...

Văn hóa dân gian: Có truyện cổ, tục ngữ, ca dao, dân ca, hát đối đáp, hát giao duyên, hát đồng dao,...; múa rùa, múa kiếm, múa chuông,...

Chữ viết: Trong lịch sử của mình, người Dao đã sáng tạo ra một loại chữ gọi là chữ Nôm Dao để ghi chép như: gia phả, các bài cúng, truyền cổ, ca dao, dân ca,... được lưu giữ bằng nhiều quyển sách cổ dùng để dạy chữ, dạy nghĩa; dạy kinh nghiệm làm ăn, sinh sống, đối nhân xử thế; dạy đoán thời tiết để làm mùa vụ, chăm sóc sức khỏe và thực hiện các tập quán, tín ngưỡng,... Đây là tài sản vô giá của dân tộc Dao và của dân tộc Việt Nam. Trước đây, do nhiều

KHOA HỌC THANH HÓA

yếu tố như sống du canh, du cư, phân tán trong rừng núi, đời sống gặp nhiều khó khăn, nên người Dao không có điều kiện để tổ chức dạy và học chữ Nôm Dao mà chỉ học thông qua bạn bè, với ông cha và những người cao tuổi biết chữ Nôm Dao. Do số lượng người biết chữ Nôm Dao ngày càng ít, hơn nữa nhiều cụ đã già yếu 70 - 80 tuổi. Việc bảo tồn và gìn giữ chữ Nôm Dao gặp nhiều khó khăn và có nguy cơ mai một.

Trước tình trạng đó, vào các năm 2014 - 2015, Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp với các nghệ nhân dân tộc Dao biết chữ Nôm Dao, sưu tầm, biên soạn Bộ chữ Nôm Dao Thanh Hóa, bộ chữ đã được Hội đồng Khoa học cấp tỉnh thẩm định và được Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc trình UBND tỉnh phê duyệt và UBND tỉnh đã có Quyết định số 877/QĐ - UBND ngày 17/3/2015 phê chuẩn Bộ chữ Nôm Dao Thanh Hóa, đây là Bộ chữ Nôm Dao đầu tiên của cả nước được phê chuẩn. Bộ chữ không chỉ dùng cho người Dao Thanh Hóa mà còn được người Dao các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái,... dùng để dạy cho con em mình.

Kết quả bước đầu về dạy chữ Nôm Dao và bảo tồn tiếng Dao

Trên cơ sở Bộ chữ Nôm Dao được phê chuẩn, Hội Dân tộc học và Nhân học, Ban Dân tộc đã trình Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí dạy chữ Nôm Dao cho đồng bào dân tộc Dao Thanh Hóa.

Năm 2016, Hội đã chủ trì phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức tổ chức lớp học chữ Nôm Dao nâng cao cho 44 học viên (người Dao các huyện: Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Mường Lát) để làm giáo viên dạy chữ Nôm Dao, kết quả Trường Đại học Hồng Đức đã cấp chứng chỉ cho 40 học viên đạt yêu cầu.

Triển khai dạy chữ Nôm Dao cho cộng đồng người Dao. Qua 4 năm thực hiện (2017, 2019, 2020 và 2021), Hội đã tổ chức được 23 lớp cho 855 học viên. Năm 2022, Hội đang tham mưu cho Ban Dân tộc mở 4 lớp/120 học viên cho 4 bản dân tộc Dao huyện Mường Lát. Theo kế hoạch, năm 2023 Hội sẽ mở 5 lớp/200 học viên tại 5 thôn bản dân tộc Dao huyện Ngọc Lặc và huyện Cẩm Thủy. Giáo viên là các nghệ nhân dân tộc Dao đã học lớp bồi dưỡng chữ Nôm Dao Thanh

Hóa nâng cao năm 2016 do Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa tổ chức và đã được cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học.

Việc mở lớp học chữ Nôm Dao Thanh Hóa cho đồng bào dân tộc Dao thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước, của tỉnh đối với đồng bào dân tộc Dao; góp phần quan trọng vào việc bảo tồn chữ Nôm Dao trong cộng đồng người Dao; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời khai thác, gìn giữ và phát huy tốt tri thức bản địa của người Dao trong cuộc sống hàng ngày, đóng góp thiết thực vào việc bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng nếp sống văn hóa ở làng bản, xây dựng nông thôn mới.

Chữ viết là một hệ thống ký hiệu đồ họa được sử dụng để cố định hoá ngôn ngữ âm thanh. Vì vậy, thông qua học chữ Nôm Dao, góp phần quan trọng vào bảo tồn tiếng Dao trong cộng đồng người Dao.

Tuy nhiên, sau khi nhìn lại kết quả việc dạy chữ Nôm Dao thời gian qua, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, còn chưa đáp ứng yêu cầu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc:

Một là, việc dạy và học chữ Nôm Dao mới thực hiện trong cộng đồng người Dao, số lượng còn ít so với nhu cầu người Dao. Chưa triển khai dạy và học trong các trường học phổ thông.

Hai là, tiếng nói, chữ viết dân tộc Dao sử dụng trong các hoạt động văn hóa, sưu tầm các tác phẩm văn hóa dân gian, trong sáng tác văn học nghệ thuật chưa được triển khai thực hiện.

Ba là, đội ngũ nghiên cứu, khai thác, giới thiệu văn hóa, văn học nghệ thuật bằng tiếng Dao, chữ Nôm Dao chưa đáp ứng được yêu cầu.

Bốn là, dạy chữ Nôm Dao trong các năm qua thể hiện sự quan tâm sâu sắc của tỉnh và đã đạt được một số kết quả, nhưng chưa trở thành một chủ trương, chính sách lớn từ Trung ương đến tỉnh, nên kết quả còn hạn chế.

Bảo tồn chữ Nôm Dao có vai trò to lớn trong việc bảo tồn tiếng nói, bản sắc văn hóa dân tộc Dao, góp phần vào việc bảo tồn tính đa dạng văn hóa cả tỉnh, cả nước. Việc dạy và học chữ Nôm Dao là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, đồng thời là nhiệm vụ quan trọng của

công tác dân tộc và chính sách dân tộc, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của cán bộ và nhân dân dân tộc Dao của tỉnh. Đặc biệt, việc bảo tồn tiếng nói, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Dao trong thời kỳ cùng cả tỉnh, cả nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng đặt ra hết sức cấp thiết. Xuất phát từ thực tiễn hiện nay, đề nghị các cấp, các ngành từ Trung ương đến tỉnh quan tâm các nội dung sau:

Một là, cần xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn dạy và học tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Dao Thanh Hóa để đáp ứng nhu cầu học chữ Nôm Dao và bảo tồn tiếng Dao. Trọng tâm hiện nay là đào tạo giáo viên; biên soạn tài liệu thích hợp cho các đối tượng học; cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý chỉ đạo, tổ chức thực hiện; hỗ trợ chế độ chính sách đối với giáo viên, học viên các lớp học cộng đồng,...

Hai là, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học, các trí thức người Dao biên soạn và xuất bản các sách cộng

cụ hỗ trợ dạy và học chữ Nôm Dao, tiếng Dao như: Từ điển tiếng Dao - Việt, sổ tay tiếng Dao - Việt, ngữ pháp tiếng Dao,...

Ba là, cần sử dụng đồng thời tiếng Dao, chữ Nôm Dao và tiếng, chữ viết phổ thông trong thông tin, giáo dục, truyền thông, triển lãm,... Quan tâm công tác sưu tầm, biên dịch các sách cổ chữ Nôm Dao; in ấn và phát hành các loại văn hóa phẩm bằng tiếng Dao, chữ Nôm Dao.

Bốn là, các cấp, các ngành của tỉnh, nhất là các huyện có nhiều người Dao tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về học chữ Nôm Dao để bảo tồn tiếng nói, bản sắc văn hóa dân tộc Dao.

Năm là, các bộ, ngành Trung ương và tỉnh cần tổng kết hơn 40 năm thực hiện Quyết định số 53-CP ngày 22/02/1980 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về chủ trương đối với chữ viết các dân tộc thiểu số, để có chủ trương, biện pháp đẩy mạnh việc dạy và học chữ các dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Dao Thanh Hóa./.

XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO NÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ TRONG THỜI KỲ 4.0*

Nhóm tác giả: Nguyễn Viết Thanh, Lê Đăng Tuấn, Trương Ngọc Tuấn, Trần Đăng Thành, Nguyễn Thị Hoa
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Tân Thanh Phương

1. Tóm tắt giải pháp:

Tại Thanh Hóa, ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa công tác quản lý cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành nông nghiệp nhằm xây dựng một hệ thống thông tin quản lý trên nền thông tin địa lý (WebGIS) có tích hợp các lĩnh vực về quản lý đất nông nghiệp trên địa bàn, hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý, điều hành của các cấp chính quyền nói chung và phòng nông nghiệp nói riêng một cách hiệu quả và đồng bộ. Tạo lập CSDL quản lý đất nông nghiệp tập trung toàn huyện chi tiết đến xã và thửa đất gắn liền với hệ thống thông tin địa lý trực

tuyến (WebGIS), hệ thống định vị toàn cầu (GPS), đảm bảo sự thông suốt trong tích hợp, liên kết, chia sẻ và cung cấp đầy đủ thông tin trực tuyến trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất về canh tác cây trồng phù hợp với từng loại thửa, loại đất và các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội khác. Ngoài ra phần mềm cũng cung cấp một số thông tin về chỉ số dinh dưỡng của đất như; loại đất, độ phì nhiêu nồng độ PH, OM, KALI, LANDt... trong đất, để tính toán liều lượng phân bón cho một số cây trồng chính làm cơ sở tham khảo và hướng dẫn sử dụng phân bón hợp lý. Cho phép

các nhà quản lý nhanh chóng truy nhập vào CSDL bản đồ của huyện với các thao tác đơn giản, trực quan và thân thiện để có thể hiển thị, in ấn và tra cứu thông tin các loại bản đồ dưới dạng bản đồ số. Qua đó, truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng, tổ chức, công dân hiểu rõ về chính sách, pháp luật về môi trường về định hướng quy hoạch khai thác sử dụng tài nguyên đất nông nghiệp bền vững; đồng thời tuyên truyền về các quyền, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ được thực hiện và được Nhà nước bảo hộ.

Nhận định được tính cấp thiết của việc ứng dụng công

* Đạt giải Khuyến khích Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2021.
Đạt giải Ba Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021).

nghe thông tin trong nông nghiệp, nhóm tác giả đề xuất giải pháp "Xây dựng Hệ sinh thái công nghệ thông tin cho nông nghiệp làng nghề trong thời kỳ 4.0".

2. Tính mới:

Ứng dụng thương mại điện tử trong công tác quảng bá sản phẩm làng nghề ở các địa phương tỉnh Thanh Hóa. Phần mềm được xây dựng trên công nghệ hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho phép các nhà quản lý nhanh chóng truy nhập vào cơ sở dữ liệu bản đồ của tỉnh với các thao tác đơn giản, trực quan và thân thiện để có thể hiển thị, in ấn, biên tập, chỉnh sửa và tra cứu thông tin các loại bản đồ dưới dạng bản đồ số.

3. Khả năng áp dụng:

Phần mềm đã được triển khai ứng dụng trong thực tế tại nhiều cơ quan, đơn vị nhà nước, hơn 500 tổ chức doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất làng nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, các cơ sở thực phẩm an toàn, địa điểm du lịch... trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã cam kết sử dụng. Khách hàng, người tiêu dùng cũng như các nhà đầu tư có thể dùng bản đồ số, bản đồ chỉ đường để có thể tiếp cận các cơ sở sản xuất kinh doanh các

sản phẩm làng nghề truyền thống của Thanh Hóa một cách dễ dàng.

4. Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

Việc tạo lập cơ sở dữ liệu quản lý ngành nông nghiệp là cơ sở nền quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành vừa đảm bảo mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới thực hiện cải cách hành chính trong công tác quản lý nhà nước. Chương trình số hóa CSDL quản lý đất nông nghiệp huyện khi hoàn thành sẽ đem lại hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước tại phòng nông nghiệp và toàn huyện về các lĩnh vực:

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ, khoa học, chính xác về đất nông nghiệp là một trong những nền tảng quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển và hỗ trợ ra quyết định trong lĩnh vực quản lý sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện cải cách hành chính thông qua việc tăng cường cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước có liên quan, rút ngắn thủ tục xác minh thông tin dữ liệu ngành

nông nghiệp hiện nay còn phân tán, thiếu đồng bộ.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ thao tác nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý nhà nước về đất nông nghiệp cũng như thiết lập hệ thống thông tin chuyên ngành một cách khoa học, đầy đủ, có tính kết nối, liên thông dữ liệu của các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan; hỗ trợ và là công cụ pháp lý để kiểm tra, giám sát và xác định hành vi vi phạm về bảo vệ đất nông nghiệp thông qua các thông tin, hình ảnh trực tuyến.

- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác báo cáo, thống kê thông qua hệ thống mạng thông tin trực tuyến, tiến đến tự động hóa qui trình thủ tục hành chính qua mạng như xác nhận cấp giấy chứng nhận về chất lượng nước, không khí, đất...

- Góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, trước những thách thức của biến đổi khí hậu toàn cầu việc nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường, nhất đất nông nghiệp là điều kiện tiên quyết, bắt buộc để giảm thiểu những hậu quả của biến đổi khí hậu gây ra.

Hiệu quả mô hình sản xuất rau Cải ngọt cao sản SV-100 trong nhà màng theo tiêu chuẩn hữu cơ tại xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

ThS. Vũ Văn Chiến

*Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và
Chuyển giao Khoa học Công nghệ,
Trường Đại học Hồng Đức*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây mô hình sản xuất rau củ quả theo tiêu chuẩn hữu cơ đang được các trang trại trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá quan tâm tổ chức sản xuất, kinh doanh phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng. Từ đầu năm 2019, Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thương mại Nông nghiệp Công nghệ cao Thiên Trường 36 đã ký hợp đồng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC về đánh giá vùng sản xuất diện tích 0,5 ha nhà màng đủ điều kiện sản xuất

rau củ quả theo tiêu chuẩn hữu cơ TCVN 11041-2:2017.

2. Thời gian địa điểm và vật tư xây dựng mô hình

2.1. Thời gian và địa điểm

- Vụ Xuân năm 2019 và vụ Xuân năm 2020

- Địa điểm: Tại cánh đồng Bãi Man, thôn Triệu Tiền, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2.2. Vật tư xây phục vụ sản xuất

- Giống Cải ngọt cao sản SV-100.

- Phân bón hữu cơ vi sinh.

- Chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng.

3. Kết quả theo dõi mô hình

3.1. Tình hình sinh trưởng phát triển cây rau Cải ngọt cao sản SV-100

Qua theo dõi một số chỉ tiêu như chiều cao cây, số lá/cây của cây rau Cải ngọt cao sản SV-100 chúng tôi thu được kết quả:

- Chiều cao cây dao động từ 22-25 cm.

- Số lá trên cây từ 5-6 lá/cây.

3.2. Năng suất và chất lượng cây rau Cải ngọt cao sản SV-100

Qua theo dõi mô hình ở vụ Xuân năm 2019 và vụ

Số 3 (Tháng 9/2022)

Xuân năm 2020 trên diện tích 0,8 ha nhà màng chúng tôi thu được kết quả tại Bảng 3.2 như sau:

Bảng: Theo dõi năng suất, chất lượng rau Cải ngọt cao sản SV-100

Thời vụ	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Năng suất (tấn/ha)
Tháng 1 đến tháng 2 năm 2019	35	52,25
Tháng 2 đến tháng 3 năm 2019	39	51,16
Tháng 1 đến tháng 2 năm 2020	36	51,54
Tháng 2 đến tháng 3 năm 2020	38	50,96
Trung bình		51,48

+ Kết quả với diện tích 0,8 ha nhà màng sản xuất cây rau Cải ngọt cao sản SV-100 chúng tôi thu được năng suất và chất lượng như sau: $0,8 \text{ ha} \times 51,48 \text{ tấn/ha} = 41,184 \text{ tấn}$ rau Cải ngọt cao sản SV-100 đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

3.3. Hiệu quả mô hình sản xuất rau Cải ngọt cao sản SV-100 theo tiêu chuẩn hữu cơ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Năng suất và thu nhập (ha)	Tấn/ha	51,48	18.000	926.640
2	Chi phí cho sản xuất (ha)				327.700
2.1	Giống trồng	Gói	24	85	2.040
2.2	Phân bón và chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng	Ha	01	35.000	35.000
2.3	Vật rẻ tiền mau hỏng	Ha	01	12.000	12.000
2.4	Điện nước (dự tính)	Ha/vụ	01	12.000	12.000
2.5	Công lao động các loại	Công/ha	350	180	63.000
2.6	Chi phí và tính khấu hao nhà sản xuất: Khấu hao nhà sản xuất/vụ: 380 nghìn đồng/m ² . - Nhà sản xuất tạm tính khấu hao 10 năm. - Khai thác, sử dụng 4 vụ/năm (3 vụ dưa và 1 vụ cà chua). Tổng khấu hao/vụ sản xuất: 3.800 trđ : 40 vụ = 126,660 trđ.				126.660
2.7	Chi phí khấu hao hệ thống tưới: Tổng chi phí: 115,5 nghìn đồng/m ² . - Nhà sản xuất tạm tính khấu hao 5 năm. - Khai thác, sử dụng 3 vụ/năm Tổng khấu hao/vụ sản xuất: 1.155 trđ : 15 vụ = 34,0 trđ				77.000
3	Hiệu quả kinh tế, lãi thuần (ha)				598.940



Rau cải ngọt SV-100 trồng trong nhà màng theo tiêu chuẩn hữu cơ chuẩn bị thu hoạch

+ Hiệu quả kinh tế mang lại trong sản xuất cây rau Cải ngọt cao sản SV-100 theo tiêu chuẩn hữu cơ trong nhà màng là: 0,8 ha x 598.940.000 đồng/ha = 479.152.000 đồng.

4. Kết luận:

Trên diện tích 0,8 ha nhà màng sản xuất cây rau Cải ngọt cao sản SV-100 ở vụ Xuân năm 2019 và vụ Xuân năm 2020, tại cánh đồng Bãi Man, thôn Triệu Tiền, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, chúng tôi thu được 41,184 tấn rau Cải ngọt cao sản SV-100 đạt tiêu chuẩn hữu cơ và mang lại hiệu quả kinh tế là 479.152.000 đồng.

Tài liệu tham khảo:

[1] Hồ Hữu An và cs (2005), “Nghiên cứu công nghệ và thiết bị phù hợp để sản xuất rau an toàn không dùng đất kiểu công nghiệp đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao”, Báo cáo tổng kết đề tài cấp nhà nước (mã số KC.07.20), Bộ khoa học và công nghệ - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

[2] Hoàng Minh Châu dịch (1998), “Cẩm nang sử dụng phân bón”, Hiệp hội phân bón Quốc tế, Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật hoá chất.

[3] Trần Văn Lại, Lê Thị Hà (dịch), “Cẩm nang trồng rau”, Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau châu Á.

[4] Netafim Asia Pacific (Netafim Châu Á Thái Bình Dương) (2004), “Tài liệu giới thiệu công nghệ thiết bị đồng bộ nhà

kính trồng rau và hoa công nghệ cao”. Netafim - Isarel.

[5]. Imas, P. Recent techniques in fertigation of horticultural crops in Israel. In IPIPRII-KKV Workshop on: Recent Trends in Nutrition Management in Horticultural crops, 11-12 February 1999. Dapoli, Maharashtra, India. (1999). <http://www/ipipotash.org/presentn/qaknhc.html>.

[6]. Kafkafi, U. Global aspects of fertigation usage. In fertigation: optimizing the utilization of water and nutrients (Imas, P. and Price, R, eds.), fertigation proceedings: selected papers of the IPI-NATESC-CAU- CAAS international symposium on fertigation, Beijing, China, 20-24 september, 2005. http://www.ipipotash.org/udocs/IPI_Proceedings_Fertigation_Symposium_China_Sept_05.pdf

TIN HOẠT ĐỘNG

Thường trực Liên hiệp hội làm việc với đoàn công tác của Tổ chức Bánh Mỳ Thế giới



Toàn cảnh buổi làm việc

Trong các ngày 18-19/7/2022, Thường trực Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) do ông Nguyễn Văn Phát, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp hội, đã có buổi tiếp và làm việc với đoàn công tác của Tổ chức Bánh Mỳ thế giới (Bftw) do Bà Eva Maria Jongen, Giám đốc đại diện văn phòng Bftw tại Việt Nam, Lào có chuyến thăm và làm việc với Liên hiệp hội và dự án “Quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng để tăng cường khả năng chống chịu với rủi ro biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam” tại xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn và xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc.

Tại buổi làm việc, Bà Eva Maria Jongen - Giám đốc đại diện văn phòng

Bftw tại Việt Nam, Lào đánh giá cao những kết quả mà ban điều hành dự án đã thực hiện được trong thời gian qua, mặc dù chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid trong ba tháng đầu năm 2022, chuyến thăm và làm việc này Đoàn sẽ trao đổi các hoạt động hỗ trợ thực hiện dự án, đánh giá tiến độ thực hiện và những kết quả dự án đã thực hiện được, Đoàn mong muốn hợp tác với Liên hiệp hội tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng xanh, bền vững.

Thông tin với Đoàn công tác, Chủ tịch Liên hiệp hội Nguyễn Văn Phát thống nhất đồng hành với Bftw đối với các dự án quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng đang triển khai trên địa bàn các xã tại huyện Nga Sơn và Hậu Lộc. Đồng thời, kỳ vọng thông qua dự án này sẽ thay đổi được nhận thức cũng như tập quán canh tác đối với các mô hình phát triển bền vững của dự án trên địa bàn. Liên hiệp hội cũng sẽ đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện góp phần cho dự án thành công./.

Xuân Dũng

Phản biện Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2030

Sáng ngày 15/8/2022, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) tổ chức Hội thảo khoa học phản biện Đề án “Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2030” (Đề án). Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp hội chủ trì Hội thảo. Tham gia Hội thảo có các thành viên Hội đồng phản biện, cơ quan Liên hiệp hội, cơ quan soạn thảo và các đơn vị có liên quan.

Căn cứ vào dự thảo Đề án và các tài liệu liên quan do cơ quan soạn thảo là Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh gửi đến Liên hiệp hội và ý kiến của các thành viên Hội đồng, Liên hiệp hội đã xây dựng thành Báo cáo nghiên cứu phục vụ Hội thảo phản biện.

Các thành viên Hội đồng phản biện, các đại biểu tham dự Hội thảo cơ bản thống nhất với nội dung của Báo cáo



Các đại biểu tham gia ý kiến



Toàn cảnh Hội nghị

nghiên cứu phục vụ phản biện do Liên hiệp hội chuẩn bị. Các ý kiến chủ yếu tập trung vào một số nội dung, như: Đề nghị bỏ cụm từ “phát triển” trong tên của Đề án, vì nội dung “nâng cao” đã chứa đựng nội hàm “phát triển”, đồng thời phù hợp với tên Đề án Trung ương ban hành. Cấu trúc lại phần căn cứ xây dựng Đề án thành 2 mục: căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn. Đề nghị nghiên cứu xác định mục tiêu của Đề án đảm bảo tính tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm. Đề nghị nghiên cứu dự toán tổng kinh phí và phân cho các nhiệm vụ, giai đoạn thực hiện để xem xét tính khả thi của Đề án...

Sau Hội thảo, Liên hiệp hội hoàn thiện Báo cáo phản biện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện Đề án theo quy định./.

Mai Lê

Hội thảo toàn quốc "Sáng tạo khoa học công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam"

Trong 3 ngày 17 - 19/8/2022, tại huyện Hoàng Hoá, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh Thanh Hoá tổ chức hội thảo “Sáng tạo khoa học - công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam”.

Dự hội thảo có các đồng chí: Trần Thanh Lâm, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; TS. Nguyễn Hoàng Giang, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; TS. Lê Đức Giang, Tỉnh uỷ viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; TSKH. Phan Xuân Dũng, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; lãnh đạo Quỹ VIFOTEC; các tác giả đoạt giải thưởng khoa học - công nghệ Việt Nam qua các năm.



Các cá nhân nhận Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp sáng tạo khoa học kỹ thuật Việt Nam"



Toàn cảnh Hội thảo

Sự kiện với sự tham dự của hơn 300 chuyên gia, nhà khoa học hiện đang công tác tại các cơ quan lý, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng và các hội khoa học và kỹ thuật của các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Hàng năm, hội thảo “Sáng tạo khoa học - công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam” luôn được các ban, bộ, ngành Trung ương phối hợp với các tỉnh, thành phố tổ chức nhằm khuyến khích, động viên và thúc đẩy việc áp dụng các công trình đoạt giải vào sản xuất và đời sống. Hội thảo thu hút được sự quan tâm của các tổ chức khoa học - công nghệ, doanh nghiệp và các nhà khoa học, nhà sáng tạo trong cả nước. Đây cũng là nơi gặp gỡ, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm về việc áp

KHOA HỌC THANH HÓA

dụng rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

Phát biểu chào mừng tại hội thảo, đồng chí Lê Đức Giang, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, đã thông tin tới các đại biểu khái quát những kết quả nổi bật về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hóa trong 6 tháng đầu năm 2022; đồng thời khẳng định tỉnh luôn chú trọng công tác phát triển khoa học công nghệ làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đối với cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhấn mạnh: thời gian qua, Thanh Hoá đã quan tâm tổ chức tốt cuộc thi; toàn tỉnh có 40 giải thưởng cấp quốc gia, có nhiều công trình khoa học công nghệ được ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh cùng các nhà khoa học, cán bộ trong tỉnh bày tỏ mong muốn sẽ được lắng nghe nhiều sáng kiến của các tỉnh bạn, thông qua đó áp dụng tốt vào sản xuất và đời sống trên địa phương.

Tại hội thảo, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã trao Cờ thi đua cho 6 đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền Giải thưởng, Hội thi; 13 đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc ứng dụng công trình đoạt Giải thưởng, Hội thi vào sản



Các đại biểu tham quan Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng và Khu di tích Lam Kinh

xuất và đời sống và Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp sáng tạo khoa học kỹ thuật Việt Nam” cho 32 cá nhân.

Bên cạnh đó, các đại biểu đã được đến tham quan một số mô hình nông thôn mới của huyện Hoằng Hóa, Khu nông nghiệp công nghệ cao của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, huyện Thọ Xuân; tham quan và dâng hương tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh - Thanh Hóa và nhiều hoạt động khác góp phần vào thành công của Hội thảo./.

Linh Mai

Lựa chọn công trình tham gia Giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam 2022

Sáng ngày 26/8/2022, tại phòng họp Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), Ban Tổ chức Giải thưởng Sáng tạo KHCN Việt Nam tỉnh Thanh Hóa tổ chức Hội nghị lựa chọn công trình tham gia Giải thưởng Sáng tạo KHCN Việt Nam năm 2022.

Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp hội, Trưởng Ban Tổ chức Giải thưởng, chủ trì Hội nghị. Đến dự có các thành viên Ban Tổ chức, Ban Thư ký Giải thưởng; đại diện Văn phòng và các ban của Liên hiệp hội.

Theo báo cáo của Ban Thư ký, đến ngày 30/5/2022, Cơ quan Thường trực đã nhận được 166 công trình, đề tài do các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giới thiệu tham gia Giải thưởng năm 2022, trong đó có 111 công trình đáp ứng 6 lĩnh vực theo thể lệ Giải thưởng và 55 công trình không đúng thể

lệ. Sau khi tổng hợp, rà soát và đánh giá theo các tiêu chí của Giải thưởng, Ban Thư ký đã lựa chọn 21 công trình để trình xin ý kiến Ban Tổ chức.

Tại Hội nghị, các thành viên Ban Tổ chức thảo luận, nêu ý kiến và đề xuất lựa chọn các công trình đủ điều kiện tham gia Giải thưởng; trong đó có một công trình được đề nghị bổ sung vào danh sách đề xuất; một số công trình được đề nghị loại khỏi danh sách đề xuất do không đáp ứng được yêu cầu về tính mới, tính sáng tạo, khả năng áp dụng và hiệu quả kinh tế - xã hội trong thực tiễn.

Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp hội, Trưởng Ban Tổ chức Giải thưởng, đề nghị Ban Thư ký xác định lại danh mục công trình cần cân đối với 6 lĩnh vực dự thi cho phù hợp; xác định rõ về tính mới, tính sáng tạo, hiệu quả và ứng dụng của các công trình, từ đó đề xuất những công trình có chất lượng để tiến hành hướng dẫn chủ nhiệm công trình làm hồ sơ tham gia Giải thưởng. Giao Ban Thư ký đầu mối, đôn đốc, hướng dẫn các tác giả hoàn thiện hồ sơ kịp thời và đúng theo mẫu quy định của Giải thưởng./.



Toàn cảnh Hội nghị

Mai Lê

TIN HOẠT ĐỘNG

Sáng 16/7/2022, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa phối hợp với Hội Quy hoạch phát triển đô thị tổ chức hội thảo chuyên đề triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24-12-2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, quản lý, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



Ngày 28/7/2022, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật phối hợp với Hội các ngành Sinh học - Hóa học Thanh Hóa đã tổ chức hội thảo khoa học “Đồng xử lý rác thải trong sản xuất xi măng”.

Ngày 20/8/2022, tại Ban Dân tộc, Hội Dân tộc học và Nhân học Thanh Hóa đã tổ chức hội thảo về “Bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Thanh Hóa”. Ông Mai Xuân Bình - Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, ông Trần Văn Thịnh - Chủ tịch Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh và ông Cao Sơn Hải - Nguyên Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì hội thảo.



NGHIÊN CỨU KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN GEN LAN HÀI VÂN BẮC, LAN HÀI LÔNG VÀ LAN THỦY TIÊN HƯỜNG CHO VÙNG BẮC TRUNG BỘ*

Nhóm tác giả: **Phạm Anh Tám, Đỗ Ngọc Dương,**
Nguyễn Đức Thắng, Nguyễn Mậu Toàn
Ban Quản lý Khu BTTN Xuân Liên

1. Tóm tắt giải pháp:

Hiện nay, với công nghệ nuôi cấy mô tế bào tại một số viện, trung tâm nghiên cứu ứng dụng trong nước đã làm chủ được công nghệ nhân giống một số loài lan như: lan Hải, lan Gấm, dòng Dendrobium,... Tuy nhiên, việc nghiên cứu nhân giống, kinh doanh lan với số lượng loài còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng sản phẩm hàng hóa trên thị trường, chưa theo kịp các nước châu Âu, châu Á phát triển, đặc biệt là chưa được nhân giống thành công và đưa ra ngoài môi trường tự nhiên đối với loài lan Hải vân bắc và lan Hải lông. Xuất phát

từ vấn đề trên, nhóm tác giả đã xây dựng ý tưởng và thực hiện đề tài nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen lan Hải vân bắc, lan Hải lông và lan Thủy tiên hường cho vùng Bắc Trung Bộ để sản xuất giống tạo hàng hóa tại tỉnh Thanh Hóa và các vùng phụ cận. Đây là bước đi mới trong ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao, nhằm bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen lan bản địa, cung cấp sản phẩm hoa cây cảnh phục vụ cho du lịch; tạo công ăn việc làm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân miền núi và đa dạng hóa cơ cấu cây trồng cho Tỉnh Thanh Hóa và một số tỉnh vùng phụ cận

như khu vực Đông Bắc và Bắc Trung Bộ; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chương trình bảo tồn và xây dựng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015.

Nội dung của đề tài:

- Điều tra hiện trạng, vùng phân bố và thực trạng khai thác, kinh doanh của 3 loài lan được lựa chọn tại vùng núi Bắc Trung Bộ.

- Phân tích đặc điểm nông sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền ở mức hình thái, mức độ phân tử các cá thể của 3 loài lan được lựa chọn.

* Đạt giải Ba Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021).

KHOA HỌC THANH HÓA

- Xây dựng các quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc đối với 3 loài lan được lựa chọn phù hợp với vùng Bắc Trung Bộ.

- Xây dựng mô hình vườn giống gốc 3 loài lan lựa chọn, quy mô 1.500 cây/loài.

- Xây dựng 3 mô hình nhân giống, trồng và chăm sóc đối với 3 loài lan được lựa chọn. Quy mô 15.000 cây/loài nhân giống từ vườn giống gốc (tách chồi + in vitro).

Kết quả của đề tài:

- Xây dựng được 2 báo cáo về kết quả điều tra hiện trạng hiện trạng, vùng phân bố, thực trạng khai thác, kinh doanh và giá trị sử dụng của 3 loài lan được lựa chọn tại vùng núi Bắc Trung Bộ; 2 báo cáo đặc điểm nông sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền ở mức hình thái và mức độ phân tử đối với các cá thể của 3 loài lan lựa chọn.

- Xây dựng được 2 quy trình nhân giống in vitro từ hạt cho loài Lan Hải vân bắc, Lan Hải long; 1 quy trình nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào cho loài Lan thủy tiên hương; 3 quy trình nhân giống vô tính bằng cách tách chồi; 3 quy trình trồng và chăm sóc đối với 3 loài lan được lựa chọn.

- Xây dựng mô hình vườn giống gốc 3 loài lan lựa chọn,

quy mô 1.500 cây/loài với diện tích mô hình là 200 m²; 03 mô hình nhân giống, trồng và chăm sóc có diện tích 800m² đối với 3 loài lan được lựa chọn. Sản xuất 45.000 cây giống từ vườn giống gốc (tách chồi + in vitro).

2. Tính mới:

Đánh giá được đa dạng di truyền ở mức độ phân tử đối với 3 loài lan được lựa chọn là bước đột phá mới, cung cấp thông tin quan trọng cho khoa học trong phân loại thực vật.

3. Khả năng áp dụng:

Kết quả của đề tài được các tổ chức, cá nhân tiếp nhận và ứng dụng dễ dàng các công nghệ nhân giống, nuôi trồng lan rừng vì quy trình công nghệ do đơn vị nghiên cứu tạo ra, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng; quá trình chuyển giao coi trọng sự phối hợp giữa lý thuyết và thực hành. Sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, có sức cạnh tranh lớn trên thị trường.

4. Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

- Hoạt động của đề tài góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của các cán bộ tham gia thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; nâng cao kỹ năng chăm sóc, nuôi trồng các loài lan rừng cho những người dân thông qua hoạt động tập huấn. Một

trong những tác động quan trọng khác là tăng cường sự hợp tác giữa trường đại học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp đóng trên địa bàn các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. Hợp tác này không chỉ góp phần giải quyết những mặt hạn chế của các bên liên quan mà còn tăng cường thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ đến với người dân một cách nhanh nhất.

- Kết quả của đề tài giúp bảo tồn và phát triển các giống lan bản địa, khắc phục tình trạng suy kiệt tài nguyên thiên nhiên, tạo thêm công ăn việc làm cho các nhà sản xuất và nuôi trồng lan. Bổ sung thêm vào bộ sưu tập các loài lan rừng Việt Nam về một số loài lan bản địa của Thanh Hóa cũng như các biện pháp nhân giống để duy trì giống gốc và nhân nhanh về mặt số lượng, góp phần bảo tồn và phát triển nguồn gen lan rừng. Mô hình nuôi trồng lan của đề tài còn góp phần làm đẹp cảnh quan môi trường góp phần thúc đẩy du lịch sinh thái phát triển. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là tiền đề để nghiên cứu nhân nhanh các giống lan khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và vùng Bắc Trung bộ, hạn chế tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn gen lan quý trong tự nhiên.

Vai trò của

THẦN PHI TRỊNH THỊ NGỌC LỮ

trong khởi nghĩa Lam Sơn

Nguyễn Ngọc Khiếu

Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa

Theo sử sách, Lê Lợi có ba người vợ: bà cả là Trịnh Thị Ngọc Lữ được phong làm Thần phi; vợ hai là Phạm Thị Nghiêu được phong làm Huệ phi và người vợ thứ ba là Phạm Thị Ngọc Trần được phong làm Hiền phi. Theo quy định lúc bấy giờ, vợ của vua ngoài Hoàng hậu có 3 bậc phi 9 bậc tần. Đại Việt thông sử cho biết: “Thái tổ không lập chính thất” nhưng bà Trịnh Thị Ngọc Lữ đứng đầu với chức phong Thần phi. Ba người vợ của Lê Lợi có ba số phận khác nhau⁽¹⁾.

Về Thần phi Trịnh Thị Ngọc Lữ, sách Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn chép vắn vắn một dòng: “Thần phi Trịnh Thị Ngọc



Đền thờ Thần phi Trịnh Thị Ngọc Lữ tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Lữ, người trang Bái Đê, huyện Lôi Dương, sinh ra Quận vương Tư Tề, mất năm Thái Hòa, đời vua Nhân Tông”⁽²⁾. Trang Bái Đê (Bái Đê) - nay thuộc xã Xuân Bái và một phần thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Trang Bái Đê không chỉ là quê hương của bà Trịnh Thị Ngọc Lữ mà còn là quê tổ bốn đời của Lê Lợi. Gia phả họ Lê (Thọ Ngọc, Triệu Sơn) chép: Lê Mỗi là người trang Bái Đê, sinh ra Lê Hối (ông cố nội của Lê Lợi), dời nhà sang Lam Sơn

KHOA HỌC THANH HÓA

làm nghề “ông thầy”. Vùng đất Lam Sơn, đã được cụ tổ Lê Hối chọn làm trang trại “khai khẩn mở đất dựng nền ba năm thì nên sản nghiệp, con cháu ngày càng đông, tôi tớ ngày càng nhiều... đời đời làm quận trưởng một phương”. Ông nội của Lê Lợi là Lê Đình cùng vợ là Nguyễn Thị Quách, nổi nghiệp nhà trở thành hào trưởng trong vùng, “kề gần người xa đều có bụng tin theo, cho nên tay chân có hàng trăm, hàng ngàn”. Đến đời thân sinh Lê Lợi là Lê Khoáng và bà Trịnh Thị Ngọc Thương thì cơ nghiệp đã hoàn toàn vững chãi, tạo điều kiện cho Lê Lợi từ vùng Lam Sơn khởi binh đánh đuổi giặc Minh xâm lược. Bái Đô còn là mảnh đất sản sinh ra nhiều khai quốc công thần thời Lê như Lý Ba Lao, Lý Triện, Lê Văn Giáo... Đó là những người anh hùng “kiên gan, bền chí” theo Lê Lợi trải qua 10 năm kháng chiến quét sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi nước ta.

Bà Trịnh Thị Ngọc Lữ là vợ cả của Lê Lợi từ thuở hàn vi, sinh ra Quận vương Tư Tề. Với địa vị là bà chủ trong gia đình, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ đã giúp Lê Lợi chăm lo quán

xuyến từ việc nội gia đến quản lý trang trại với hàng ngàn khoảnh ruộng, hàng ngàn gia nhân. Trong số hàng ngàn gia nhân này, nhiều người vốn là hào kiệt bốn phương vì phải trốn tránh giặc Minh mang chí lớn muốn cứu dân, cứu nước đã tụ họp về đây. Một số người trong số đó như Trịnh Khả, Võ Uy, Trương Lô, Trương Chiến... được Lê Lợi thu dụng làm “tôi tớ” trong nhà, đều là những võ tướng kiệt hiệt đứng dưới cờ nghĩa quân Lam Sơn, chỉ huy đội quân thiết đột xông pha chiến trận; hoặc những tài danh của đất nước như Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo, Bùi Quốc Hưng, Lê Văn Linh, Lưu Nhân Chú, Nguyễn Xí, Nguyễn Chích... Thời gian Lê Lợi “chiêu hiền, đãi sĩ” chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ hẳn phải là trợ thủ đắc lực cho Lê Lợi trong việc chuẩn bị hậu cần, tiếp đãi tân khách, tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dưới ngọn cờ khởi nghĩa.

Đầu năm Mậu Tuất (1418), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, tháng 4 năm ấy, quân Minh nhờ kẻ phản thần dẫn đường mở cuộc càn quét vào hậu

cứ Lam Sơn, bà Phạm Thị Nghiêu bị nội quan nhà Minh là Mã Kỳ bắt đem về giam ở thành Đông Quan (Hà Nội). Theo hầu Bình Định Vương Lê Lợi đánh giặc lúc bấy giờ còn lại bà Trịnh Thị Ngọc Lữ và bà Phạm Thị Ngọc Trần. Trong những năm tháng nghĩa quân Lam Sơn hoạt động ở miền núi rừng Thanh Hóa (1418 - 1423) với bao gian khổ, hy sinh, khi “Linh Sơn lương cạn mấy tuần, lúc Khôi huyện quân không một lữ”... Chính trong những ngày gian khổ đó, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ cùng với những người thân trong gia đình Lê Lợi đã “ném mật, nằm gai”, sẻ chia khó khăn gian khổ cùng nghĩa quân, động viên cổ vũ tinh thần quyết chiến đấu chống giặc đến cùng của ba quân tướng sĩ. Trải qua những trận chiến đấu “một mất một còn” với giặc Minh, nghĩa quân Lam Sơn không thể “đứng chân” lâu dài tại miền núi rừng Chí Linh với bao khó khăn, thiếu thốn về “binh - lương”. Vì vậy, Bình Định Vương Lê Lợi đã tạm hòa hoãn với địch để rút về căn cứ Lam Sơn củng cố lực lượng. Tại đây, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ đã góp phần không nhỏ trong

việc tổ chức sản xuất, tăng gia, tích trữ lương thảo, bồi dưỡng sức quân, tập hợp lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

Đến năm 1425, khi nghĩa quân Lam Sơn tiến đánh thành Nghệ An, bà Phạm Thị Ngọc Trần đã nêu cao tấm gương xả thân vì nước, tự nguyện làm vật hiến tế cho thủy thần để cứu chúa. Từ đó cho đến ngày cuộc kháng chiến chống Minh kết thúc thắng lợi, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ đã chăm chồng nuôi con, lo liệu lương thảo, hậu cần cho nghĩa quân đánh giặc.

Suốt 10 năm theo chồng lặn lội núi sông cùng chồng nằm gai nếm mật, chinh chiến, biết bao chiến công thầm lặng của bà đã góp phần không nhỏ đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi trọn vẹn. Bà Trịnh Thị Ngọc Lữ xứng đáng là một nội tướng tài giỏi vào bậc nhất trong lịch sử dân tộc.

Đầu năm 1428, cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược toàn thắng, nhà Hậu Lê được thành lập, Bình Định Vương Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, con trai Tư Tề được sách lập Quốc vương “tạm coi việc nước”, bà Trịnh Thị

Ngọc Lữ được phong chức Quốc mẫu.

Đối với Lê Tư Tề - con trai trưởng của Lê Lợi và bà Trịnh Thị Ngọc Lữ, đã từng lặn lội theo cha đánh giặc Minh từ ngày đầu của cuộc khởi nghĩa, “tính dũng cảm, ham giết đôi phương”, lập được nhiều chiến công. Năm 1426, Tư Tề được Lê Lợi trao chức Thị trung. Tháng 6 năm 1427, Tư Tề được thăng chức Tư đồ, giữ trọng trách lớn trong kháng chiến. Đến mùa Đông năm ấy, Lê Lợi đặc ủy cho Tư Tề cùng Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin để thực hiện hòa ước với Vương Thông. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Tư Tề được phong làm Hữu tướng quốc, tước Quận vương. Kế theo, Lê Thái Tổ sai Nhập nội kiểm hiệu Bình chương sự Lê Ván, Nhập nội Đại Tư mã Lê Ngân, Nhập nội Thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập Tư Tề làm Quốc vương tạm coi việc nước và lập con thứ là Nguyên Long làm Hoàng Thái tử. Năm 1432, Thái Tổ sai Quốc vương Tư Tề đem quân đi đánh châu Mường Lễ (sau đổi Phục Lễ) bức hàng Đèo Cát Hãn và con y là Đèo Mạnh Vượng rồi đem quân về. Lúc bấy giờ

nhà vua mệt mỏi vì nhiều bệnh, chính sự lớn của nhà nước đều giao cho Tư Tề quyết định.

Và cũng bắt đầu từ đây hình thành phe phái quanh việc chọn người kế nghiệp Lê Thái Tổ. Một phe ủng hộ Lê Tư Tề; phe kia ủng hộ con thứ của Thái Tổ là Lê Nguyên Long còn nhỏ. Phe ủng hộ Nguyên Long tìm cách cô lập Lê Tư Tề, nên gièm pha kiểm soát cho rằng Tư Tề “mắc chứng điên cuồng, giết bừa các tỳ thiếp, nên không làm vừa ý” vua cha.

Năm 1433, Lê Thái Tổ nằm trên giường bệnh, phân vân trong việc chọn người nối ngôi, nên gọi Thiếu úy Lê Khôi vào hỏi. Lê Khôi bàn nên chọn Nguyên Long, nên Thái Tổ mới quyết định chọn người con thứ. Trong tờ chiếu, Tư Tề bị kết tội: “Không trung hiếu với cha mẹ, ngược đãi quần thần, khinh nhờn trời đất, không theo đạo của các đấng thiên vương”. Tháng 8 năm 1433, Quốc vương Tư Tề bị giáng xuống làm Quận vương, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ cũng bị giáng theo làm Quận mẫu. Cuối tháng đó, Lê Thái Tổ qua đời, Lê Nguyên Long mới 11 tuổi được lập lên ngôi Hoàng đế (tức Lê Thái

Tông), Tư đồ Lê Sát nắm quyền phụ chính.

Theo Đại Việt thông sử, tháng 1 năm 1434, có 3 thị nữ đến tâu với Thái Tông rằng Tư Tề phát ngôn nhiều điều can bậy quái gở, có ý không thuận. Vì vậy, Thái Tông hạ lệnh cấm cố ông, không cho các quan lại gần nơi ở của ông; còn Tư Tề, nếu không có lệnh gọi thì không được vào triều. Lại có lệnh: Nếu ai tự ý đến thăm hoặc dẫn Tư Tề vào triều sẽ bị tội nặng. Từ đó Lê Tư Tề bị biệt lập hoàn toàn với mọi người. Trong thời gian bị giam lỏng (1434 - 1438), không thấy sử ghi ông mắc thêm tội trạng gì?

Tháng 5 năm 1438, vua Lê Thái Tông phế truất Quận vương Tư Tề làm dân thường, bà Trịnh Thị Ngọc Lữ chỉ còn lại Thần phi. Cũng từ đây, không rõ Tư Tề sống ở nơi nao và thọ bao nhiêu tuổi. Về sau Tư Tề được truy phong là Quận Ai vương. Còn thân phận của bà Thần phi họ Trịnh ẩn dật về phương nào, đi theo Tư Tề hay vẫn âm thầm lặng lẽ nơi thâm cung cho đến ngày cuối đời? Cho đến nay chưa tìm thấy sử sách nào ghi chép. Theo Lê Quý Đôn ghi chép trong Đại Việt thông sử, “Thần phi Trịnh Thị Ngọc Lữ mất năm

Thái Hòa (1443 - 1453) đời vua Lê Nhân Tông”⁽³⁾. Theo Lược sử gia phả dòng họ Lê kinh triệu quận, ghi: “Ngày 20 tháng 10 năm Giáp Dần, đức Bà thăng hà, táng tại bồn quán, lăng hiệu Bái Cai Đề hương hoá phụng sự”⁽⁴⁾.

Do chính sự triều Lê sau khi Lê Thái Tổ băng hà đã xảy ra nhiều bi kịch và do đó công lao của bà Trịnh Thị Ngọc Lữ không được sử sách ghi chép. Tuy vậy, cuộc đời và công lao của bà Thần phi Trịnh Thị Ngọc Lữ rất xứng đáng được xếp vào hàng bình Ngô khai quốc công thần triều Lê - bậc Quốc mẫu. Mặc dù bà không được phong là Hoàng hậu nhưng nhân dân vẫn gọi bà Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Lữ. Và do đó, bà vẫn sống mãi trong lòng dân. Hơn 6 thế kỷ trôi qua, nhưng hậu thế không thể quên công đức cao dày của bà. Bà luôn xứng với danh hiệu Quốc mẫu như Đức Thái Tổ đã ban phong và xứng đáng với sự phụng thờ hương khói muôn đời.

Ngày nay, tên của bà đã được đặt tên cho một đường phố ở thành phố Thanh Hóa, lăng mộ của bà ở quê hương Bái Đô xưa đã được tôn tạo khang trang và uy nghiêm. Đền thờ bà được xây dựng

khang trang bề thế ở vùng đất thuộc thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, bốn mùa tỏa ngát hương thơm./.

Chú thích:

(1). Lê Lợi có 3 bà vợ :

- Vợ cả là Trịnh Thần phi, tên thật là Trịnh Thị Ngọc Lữ.

- Vợ hai là Phạm Thị Nghiêu: Bà bị nội quan nhà Minh bắt trong một trận tàn sát vào hậu cứ Lam Sơn, về sau được giặc thả thì đã già, không có con. Vua Thái Tông phong cho bà là Huệ Phi, cho về Lam Kinh coi giữ Vĩnh Lăng.

- Vợ ba là Phạm Thị Ngọc Trần, người xã Quần Lai, huyện Lôi Dương, nay là làng Quần Đội, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân. Bà sinh ra vua Lê Thái Tông vào năm Quý Mão (1423), theo Lê Lợi đi đánh giặc, tự làm vật hiến tế để giúp vua thắng giặc Minh. Sau khi thắng giặc, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế cho rằng “Phạm Thị Ngọc Trần đáng làm chúa cả trăm vị thần của nước ta, không ai dám trái”. Sai dựng đền Hiến Nhân để thờ (đền hiện ở Thọ Diên), đồng thời dựng miếu, đặt thần chủ ở Lam Kinh để cúng tế. Khi Thái Tông lên ngôi, truy tôn Hoàng hậu làm Cung Từ Quốc Thái Mẫu, sau đó rước thần chủ của Thái mẫu vào thờ phụng ở Thái miếu. Tháng 2 năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) truy tôn làm Cung Từ Quang Mục Quốc Thái Mẫu. Tháng 12/1437, truy tôn làm Hoàng Thái hậu.

(2),(3). Lê Quý Đôn, Đại Việt thông sử, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.

(4). Theo Lược sử Gia phả dòng họ Lê kinh triệu quận (Locleson.com/pha-ky/le-toc-kinh-trieu-quan-48.html.).

Một số thầy giáo xứ Thanh

NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ

Trần Thị Liên

Phó Trưởng Ban Văn nghệ Dân gian
Hội Văn học Nghệ thuật Thanh Hóa

Truuyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc đã tạo điều kiện cho những người thầy giỏi, đức hạnh được tôn vinh và lưu truyền trong lịch sử. Người dạy không chỉ nâng cao nhận thức cho người học mà còn đào tạo nhân tài góp phần xây dựng đất nước, phát triển xã hội.

Trong xã hội phong kiến, nhiều ông thầy đã mang kiến thức và chí hướng truyền thụ cho học trò, hun đúc nên những nhân cách lớn những nhân tài cho đất nước. Những trường hợp như vậy không chỉ được nhân dân kính trọng, học trò ngưỡng mộ mà còn được sử sách lưu danh và trở thành những tấm gương tiêu biểu cho nhiều thế hệ noi theo.

Một trong những người thầy vĩ đại trong lịch sử phải kể đến là Nguyễn Văn Nghi. Nguyễn Văn Nghi người làng Ngọc Đồi (tức ngọc Bôi) thuộc làng Cổ Bôn xưa. Ông sinh năm 1511, mất năm 1580, thọ 69 tuổi. Dòng dõi Nguyễn Văn Nghi khá nổi tiếng ở Cổ Bôn. Ông tổ đời thứ năm của ông là Nguyễn Hồ, do có công mở nước nên được phong Đại tướng quân, được sắc vua ban cho con cháu đời đời tập phong bổ dụng. Ông nội Nguyễn Văn Nghi là Nguyễn Uyên, tri huyện được phong chức Thái Bảo.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng là người thông minh, học giỏi, đỗ cao. Cho đến nay, nhân dân trong vùng vẫn còn truyền tụng về bài thi xuất sắc của ông đã được vua khen là “Thần cú”.

Chuyện kể rằng, khi còn là học trò, có lần dạo chơi trên bờ sông, được nghe một người thuyền chài hát ru.

*Bên sông thanh vắng một mình
Có ông ngư phủ biết tình mà thôi*

Nguyễn Văn Nghi liền nhớ nhập tâm câu hát đó. Sau này, trong một kỳ thi, nhà vua ra đề: Quốc tử. Các thí sinh đều nghĩ rằng nhà vua muốn hỏi về Quốc tử giám. Riêng Nguyễn Văn Nghi cho rằng “Quốc tử” là con nước, nghĩa là thủy triều. Nhớ lại câu hát ru dạo trước ông mượn ngay ý tứ của câu hát để viết thành hai câu:

*Giang hồ tịch mịch vô nhân vấn
Duy hữu ngư ông thức đắc tình*

Câu thơ chữ Hán ý nghĩa hoàn toàn giống câu ca dao. Ý tứ thâm trầm, chữ dùng điêu luyện và gợi cảm. Vì thế khi chấm bài, quan

KHOA HỌC THANH HÓA

trường đã phê vào hai chữ “Thần cú”, ý khen đây là lời lẽ của Thần, người thường khó làm nổi.

Khóa thi đó Nguyễn Văn Nghi là người có tài được triều Lê trọng dụng. Ông đã giữ chức Hàn lâm viện. Năm 1557 đời Thiên Hựu giữ chức hộ khoa kiêm quản lý tài chính. Đời Gia Thái làm Tả Thị lang bộ Binh, tổng ký lục chĩnh đỉnh, đời Quang Hưng (1580) là tả Thị lang Bộ Lại.

Nguyễn Văn Nghi là người có học vấn cao, tính tình đoan chính, có khuôn phép và là bậc danh nho. Đại Việt sử ký toàn thư cho biết: Nguyễn Văn Nghi là thầy học của hai vua Lê: Lê Anh Tông và Lê Thế Tông, được ba vua Lê tri ngộ; còn Phan Huy Chú trong Lịch Triều Hiến chương loại chí đã xếp Nguyễn Văn Nghi vào hàng các nhà nho đức nghiệp “tiếng tăm hơn cả các nhà nho thời Trung Hưng”. Sau khi mất ông được triều đình phong Phúc thần.

Ông Nghè Trần Chiêm cũng là một người thầy tiêu biểu với những học trò danh tiếng. Trần Ân Chiêm sinh năm 1673 tại làng Châu Bi xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh hóa. Thuở nhỏ ông là người thông minh, ham học, chuyên tâm

đền sách và đã đạt được kết quả tốt đẹp trong các kỳ ứng thí. Ông đã từng thi và đỗ khoa sĩ vọng. Năm 43 tuổi đỗ đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Ất Mùi niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715), làm đến Hàn Lâm Thừa Chỉ. Trong quãng đời làm quan, ông sông thanh liêm, làm việc tận tụy hết lòng phụng sự việc công. Sau về chí sĩ được triều đình truy tặng Công bộ hữu Thị Lang.

Theo lời truyền văn, ông quê gốc ở Nghệ An, về sau cụ thân sinh đến lập nghiệp ở vùng đất Yên Định (nay thuộc xã Định Tường). Tại quê hương Yên Định, nay vẫn còn nhà thờ ông cùng nhiều câu chuyện về quảng thời gian ông về chí sĩ dạy học tại làng.

Đương thời, những vị quan về chí sĩ được quyền cấm đất sử dụng ở bất kỳ khu nào trong làng. Riêng ông, vì không muốn gây khó khăn, phiền nhiễu cho dân, ông chỉ cấm đất tại một khu đất còn bỏ trống ở cuối làng để không người dân nào vì ông mà phải dồn ép hoặc thay đổi nơi ở. Ông dựng ba gian nhà tranh vừa làm nơi ở vừa làm nơi mở trường dạy học. Hàng ngày ông sống rất giản dị thường mặc quần áo nâu, đi guốc mộc cùng đi

thăm đồng với dân như một lão nông thực sự. Sinh hoạt hàng ngày đạm bạc, gần gũi với người dân. Dân trong làng vẫn truyền tụng câu chuyện về một lần có mấy người học trò đến tìm ông để theo học. Hôm ấy, ông ra thăm đồng gặp cơn mưa to phải trú mưa tại gốc cây đa đầu làng thì có ba cậu học trò đến hỏi thăm nhà quan nghè. Biết các cậu học trò tìm thầy để học ông bèn nảy ra ý định thử tài nên ra cho ba người một vế đối nói ngay về cảnh đường trơn sau trời mưa, vế đối đưa ra là: *"Đi đất thịt đường trơn như mỡ"* với điều kiện nếu đối hay ông sẽ dẫn đường về tận nhà quan nghè. Nghe xong một trong ba người liền xin phép được đối lại ngay: *"Ngồi bóng da mát đến xương"*.

Vế đối ông ra đã hay, vế đối lại cũng rất chỉnh (vế ra có thịt và mỡ, vế đối có da và xương vì người Thanh Hóa cổ thường gọi đ thành d nên ông ngồi gốc cây đa cũng gọi là cây da). Giữ lời hứa, ông chỉ đường cho ba người học trò về nhà. Quan bà đón tiếp niềm nở, ân cần và cho biết quan ông đi thăm đồng chắc cũng sắp về. Ba cậu học trò nhìn nhau tỏ ý đoán non đoán già thì quan bà đã nói: “Ông nhà tôi đã

đang về kia!”. Ba cậu học trò giật thót mình vì quan ông chính là ông cụ đã ra về đối và chỉ đường cho họ ở gốc đa đầu làng ban nãy.

Ba người đến xin học với thầy sau trở thành những nhà khoa bảng nổi tiếng đó là bảng nhãn Hà Tông Huân, thám hoa Đỗ Huy Kỳ và tiến sĩ Nguyễn Đức Hoàn.

Là một học trò xuất sắc của thầy Trần Ân Chiêm, Hà Tông Huân (1697 - 1766) đỗ bảng nhãn đình nguyên khoa Giáp Thìn (1724) niên hiệu Bảo Thái thứ 5 đời vua Lê Dụ Tông. Khoa thi này không lấy đỗ trạng nguyên nên ông là người đỗ đầu cả nước. Đương thời vẫn gọi ông là trạng Huân làng vàng, năm đó ông tròn 28 tuổi. Sau khi đỗ Bảng nhãn ông được bổ làm Thừa Tuyên đốc đồng chấn Sơn Nam, sau được đưa ra An Quảng (Quảng Ninh) làm đốc trấn. Khi triều đình Mãn Thanh có âm mưu bành chướng ở biên giới, Hà Tông Huân được cử giữ chức Đại tướng quân đi dẹp loạn. Với tài ngoại giao ông đã đẩy lui được quan Thanh giữ vững vùng Đông Bắc của tổ quốc. Với kiến thức uyên bác, khả năng thuyết phục thấu lý đạt tình, Hà Tông Huân đã nhiều lần được cử

đi đàm phán với triều đình nhà Thanh và đều thu được thắng lợi. Ông đã được cử làm đại tướng thống lĩnh tây đạo đi dẹp biến loạn ở vùng miền núi Thanh Hóa. Sau khi chiến thắng được thăng chức Thượng thư bộ Binh vào làm Chính tham tụng kiêm việc dạy học ở trường Quốc Tử Giám được ban tước Huy xuyên hầu. Năm Canh Thìn (khi 65 tuổi) ông xin về hưu nhưng Chúa Trịnh vẫn mời ông ở lại phong làm quốc lão tham dự việc triều chính đồng thời dạy học cho vua nhỏ kiêm trông coi việc học tập, thi cử nhằm đào tạo nhân tài cho đất nước.

Là một vị quan tài cao, đức trọng, văn võ song toàn Hà Tông Huân đã lập được nhiều chiến công hiển hách. Trong cuộc đời được cử giữ nhiều trọng trách song dù ở cương vị nào ông cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đặc biệt trong việc dạy học, tuy thời gian của ông thành đạt rất nhiều, nhiều người làm quan nổi tiếng và giữ những vị trí quan trọng của triều đình⁽¹⁾.

Trong lịch sử giáo dục xứ Thanh, một người có nhiều công lao và được thế hệ sau nhắc nhớ nư là thầy Nhữ Bá Sĩ, quê làng Cát Xuyên,

xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông sinh năm 1788, năm thứ hai đời vua Minh Mạng ông đi thi đỗ Hương Cống, năm sau thi Hội trúng Tam trường được bổ làm tri huyện rồi thăng chức Viên ngoại bộ Hình. Là quan thanh liêm không ham danh cầu lợi. Năm 1833 ông được triều đình nhà Nguyễn cử đi sứ sang Quảng Đông, Trung Quốc. Sau nhiều năm tham gia chốn quan trường, ông về quê mở trường dạy học, viết sách. Ông mở trường ở cạnh bờ sông Nghi nên người thời bấy giờ còn gọi là Nghi Am. Tháng ngày ông say mê với sách vở và học trò thân yêu của mình. Sau nhiều lần bị ép ra làm quan, ông buộc phải làm Huân đạo rồi Đốc học Thanh Hoa song điều cốt yếu nhất là ông đem hết tài năng, trí lực truyền dạy cho học trò của trường mình nên tiếng tăm về ngôi trường Nghi Am ngày một vang xa. Học trò từ các nơi theo về học ngày một đông, có nhiều người đỗ đạt thành danh như Mai Anh Tuấn (Nga Sơn), Phạm Thanh (Hậu Lộc), Đỗ Xuân Cát (Hoàng Hóa)... Bên cạnh việc dạy học ông còn viết nhiều tác phẩm có giá trị để lại cho đời như Thanh Hoa tỉnh chí, Đàm Trai quan nghi tập... Đặc biệt tập sách

“Nghị Am học thức” là một sáng kiến lớn và tiến bộ trong nền giáo dục Việt Nam thời bấy giờ. Ông cho rằng: “Người học sinh phải ý thức học tập, học không nghiêm túc, không thấu đáo là tự dối mình. Thầy giáo không nắm vững kiến thức là lừa dối thiên hạ”; “Ở đời việc nhỏ nhất, từ nơi khốn cùng nhất cho đến nơi quyền quý cao sang cũng có thể chọn ý mà dạy, tìm việc mà học đều được cả. Điều cơ bản là không được dối trá.”⁽²⁾

Ngày nay ngành giáo dục ở nước ta đã được quan tâm đưa lên hàng quốc sách. Nhiều giáo sư, tiến sĩ tham gia dạy học đã đạt danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân. Nhiều học sinh giỏi giang đã đạt giải các kỳ thi quốc tế và trở thành những giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học lớn của đất nước. Song những tấm gương tiêu biểu trong lịch sử nghề dạy học như Nguyễn Nghi, Trần Ân Chiêm, Hà Tông Huân, Nhữ Bá Sĩ... vẫn luôn là tấm gương sáng chói cho các thế hệ noi theo./.

Chú thích:

(1). Danh nhân Thanh Hóa
Nxb Thanh Hóa 2006, tr 222

(2). Đất và Người xứ Thanh
Ban NCBS Lịch sử Thanh Hóa
2002, tr 258.

Sầm Sơn ngày ấy

Lê Mạnh Hợp

Bạn đang nhắc tới Sầm Sơn
Cái ngày xưa ấy vẫn còn nhớ sao?
Trên tàu biển sóng nôn nao
Có nghe thấy tiếng phi lao ven bờ?
Tay tôi phát phới ngọn cờ
Đoàn người ra đón “hoan hô” vang trời
“Bể dâu” nay đã qua rồi
Ai tin sẽ gặp lại người thuở xưa?
Biển xanh sóng cứ vỗ bờ
Sầm Sơn như vẫn đón chờ bóng ai.

Đố vuiiii...

CON gì?

Lê Ngọc Sáng

Dáng hình là mẹ cha cho
Mắt xanh, lông xám, đầu to, mỏ khoằm
Bộ vuốt sắc tựa dao găm
Ngày thì ngủ gật, đêm chăm nhắt làng
Bắt chuột bảo vệ mùa màng
Mùi hôi là bởi họ thẳng chuột lây
Người không quý, mới hại thay
Thấy tôi là đuối, “biến ngay ra ngoài”.
(Là con gì).

Đáp án: **Con chim cú**

Về hứng thú hiểu biết và học tập môn lịch sử nước nhà của giới trẻ

Quốc Chấn*

Mấy năm gần đây trên các phương tiện thông tin đại chúng nước ta liên tục đưa tin môn lịch sử của các kì tuyển sinh đại học, cao đẳng có rất nhiều điểm liệt, kết quả thấp nhất trong tất cả các môn thi. Thậm chí khi Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định lịch sử là một trong mấy môn tự chọn thi tốt nghiệp trung học phổ thông, có trường hầu hết học sinh không chọn môn học này! Có nhiều ý kiến giải thích nguyên nhân. Song từ cảm nhận của bản thân, tôi cho rằng từ bao đời nay, mọi người dân nước ta, đặc biệt là giới trẻ không ai không muốn hiểu biết, học tập lịch sử nước nhà. Nhất quyết không thể cho rằng thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay không yêu thích học lịch

sử đất nước! Có thể khẳng định, hiện tượng học sinh phổ thông học kém, không thích môn này là bởi nhiều điểm bất cập của chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá thi cử về bộ môn lịch sử trong nhà trường. Nhìn rộng ra là lỗi ở quan điểm của nhà trường nói riêng và xã hội nói chung đối với vị trí, chức năng, vai trò của kiến thức lịch sử Việt Nam trong sự nghiệp giáo dục thế hệ hiện nay.

Tôi vẫn không bao giờ quên, hồi còn học tiểu học, ông cụ thân sinh chép tay cho tôi cuốn “Việt Nam sử lược” của tác giả Trần Trọng Kim. Hàng ngày tôi lấy đọc và tự nhiên thấm dần vào tình cảm, thấy yêu thích lịch sử đất nước. Thế rồi khi làm

giáo viên cấp 2, được phân công giảng dạy bộ môn lịch sử, tôi luôn sưu tầm đọc thêm tài liệu tham khảo, đi thực tế nghiên cứu... để nâng cao trình độ, nhằm làm sao dạy thật tốt. Được ít năm, tôi chuyển công tác, không dạy trường phổ thông nữa. Một hôm, tôi nhận được lá thư của người học trò cũ là Nguyễn Quang Hùng, đi bộ đội đóng quân ở Lạng Sơn. Trong thư, bất ngờ em nhắc tới bài học “Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên” (1917) từ chục năm về trước. Tôi nhớ lại, ngày đó trường đóng gần xã Hoàng Đàm, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên quê em, nơi xảy ra trận giao tranh ác liệt giữa nghĩa quân Thái Nguyên và bọn lính thực dân Pháp. Nội dung bài “Cuộc khởi

* CN. Trần Quốc Chấn, Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

KHOA HỌC THANH HÓA

nghĩa Thái Nguyên” trong sách giáo khoa không nói đến trận thắng này, tôi biết được nhờ tham khảo Tạp chí Văn Sử Địa. Tôi bèn tới tìm hiểu di tích xảy ra trận đánh và tổ chức một giờ dạy tại thực địa Hoàng Đàm. Quả thật không ngờ bao nhiêu giờ dạy Sử thầy không nhớ hết. Thế mà có bài lịch sử đã khắc sâu vào tâm khảm học trò. Chắc trên chiến trường, những bài học lịch sử Việt Nam đã trở thành tình cảm yêu nước, thương dân, thôi thúc người chiến sĩ Nguyễn Quang Hùng anh dũng chiến đấu chống kẻ thù xâm lược cho tới lúc hy sinh!

Mới đây, sau gần 60 năm, tôi được trường cũ mời gặp mặt. Học sinh thời đó nay đều đã ở tuổi thất tuần. Nhưng cảm động nhất là họ đều nhớ tôi là thầy dạy Sử

và còn nhắc lại một vài sự kiện, câu chuyện lịch sử tôi truyền thụ, như là kỉ niệm bám sâu vào kí ức của từng người. Thiết nghĩ, bộ môn lịch sử dạy ở bậc học phổ thông là một công cụ rất quan trọng để giáo dục học sinh thành con người Việt Nam mà xã hội đã và đang yêu cầu. Đó là con người yêu nước, yêu quê hương, làng xóm, gia đình, thương đồng bào, bố mẹ, anh em bạn hữu, tự hào về gương Tổ tiên, cha ông đã đổ máu xương, đem tài sức để bảo vệ và xây dựng đất nước trường tồn đến nay và các em sẽ tự noi các gương sáng lịch sử đã học, để học tập tốt, cống hiến thật nhiều cho Tổ Quốc... Đó chẳng phải là tiêu chuẩn cơ bản giáo dục thế hệ trẻ của nhà trường, mà xã hội đang yêu cầu sao?

Thuở xưa dưới chế độ phong kiến, tuy học trò nước ta chủ yếu phải học kiến thức trong sách vở Trung Quốc như Tứ thư, Ngũ kinh để đi thi. Song các thế hệ trẻ Việt Nam vẫn được ông, bà trong gia đình kể cho nghe chuyện lịch sử quê hương, đất nước. Đến khi cấp sách tới trường, họ hiểu biết sâu hơn về lịch sử nước nhà qua bài giảng của các thầy đồ trường làng, các thầy dạy ở Quốc tử giám. Đến khi dự thi sát hạch ở địa phương, thi Hương, thi Hội, thi Đình, đặc biệt các khoa thi tuyển chọn quan lại như Đông Các, Sĩ Vọng... thì nội dung đề thi cũng thường đề cập đến lịch sử đất nước. Đến thời Pháp thuộc, nhiều thanh niên nước ta đã trở thành những chiến sĩ cách mạng, trí thức yêu nước, nhờ nghe, đọc các truyện lịch sử bí mật phổ biến đương thời và qua lời giảng của một số thầy giáo tâm huyết. Xem thế mới biết cha ông chúng ta rất tinh táo, khôn ngoan, đã biết sử dụng kiến thức lịch sử để giáo dục phẩm cách cho các thế hệ trẻ Việt Nam. Bởi thế qua hàng ngàn năm, thế hệ này đến thế hệ khác, nhờ hiểu biết, rung động về lịch sử nước nhà, đã kế tục truyền thống yêu nước, nối tiếp nhau đem tài



Thay đổi cách dạy và học môn Lịch sử (Sưu tầm)

sức bảo vệ và xây dựng nên đất nước này. Việc coi nhẹ giáo dục kiến thức lịch sử Việt Nam cho học sinh, có xu hướng xem môn Sử là môn học phụ, năm thi năm không, ngoài xã hội tuyển cán bộ, công chức chưa bao giờ kiểm tra xem họ hiểu biết lịch sử nước nhà thế nào. Các phim ảnh, sách vở, nhất là các tác phẩm phục vụ thiếu nhi, xuất bản khá nhiều, nhưng nội dung lịch sử địa phương, đất nước hơn 4000 năm, có nhiều sự kiện, câu chuyện hấp dẫn không kém gì nước ngoài, lại chưa được quan tâm, đầu tư trí tuệ, công sức để biên soạn, sáng tác. Lâu nay lại có quan niệm xem nhẹ các kiến thức lịch sử Việt Nam cổ đại, trung đại, vì cho rằng học sinh phổ thông còn nhỏ tuổi khó hiểu, không thích. Ai đã đi ra nước ngoài sẽ thấy có quốc gia hình thành mới mấy chục năm. Do họ biết trân trọng, tôn vinh từng sự kiện, di vật, bức tranh, thước phim,... về lịch sử dựng nước, để giáo dục phẩm cách cần thiết cho thế hệ trẻ và người dân nước họ, nhờ thế họ đã có những bước tiến kì diệu!

Trước kia đã có ý kiến không nên truyền thụ cho giới trẻ những chuyện lịch

sử, dã sử, dân gian, có hình tượng tiên, phật, thần thánh, ma quỷ,... khiến các em nhiễm mê tín dị đoan và rơi vào chủ nghĩa duy tâm. Nhưng thực ra tâm lí trẻ em rất thích cái mới, cái lạ. Các chuyện cổ tích, thần thoại, những nhân vật khác thường, làm được những việc kì lạ đã đáp ứng được tâm lí trên. Nhờ được nghe, được học các câu chuyện đó nên trí tưởng tượng của trẻ trở nên bay bổng, nhiều hoài bão mơ ước, nảy sinh nhu cầu bắt chước, noi gương ngấm dần từ thế hệ này đến thế hệ khác. Chính từ những câu chuyện thời cổ xưa tiên cưỡi mây bay trên trời, diêm vương sống dưới biển, thần linh phù phép sai khiến âm binh phù thủy... mà thế hệ ngày nay đã biến những chuyện tưởng là “hoang đường” đó thành hiện thực. Con người đã chế tạo ra được các loại máy bay, tàu ngầm, tivi, robot, điện thoại di động, internet... phục vụ cho sự phát triển vượt bậc của nền văn minh đương đại.

Trình bày vài nét trên để thấy được kiến thức về lịch sử Việt Nam gắn liền với việc hình thành nhân cách học sinh, là công cụ hữu hiệu để giáo dục, đào tạo con người mới có những

phẩm chất truyền thống cơ bản, tự giác suy ngẫm trau dồi tài đức cần thiết để cống hiến cho Tổ quốc, nhằm thực hiện được mục tiêu cao cả “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo con người phục vụ đất nước và để tìm lại sự yêu thích, hứng thú vốn có của thế hệ trẻ đối với môn Lịch sử, trước mắt cần phải nhận thức đúng đắn, xem lịch sử Việt Nam là một môn học đặc biệt, có tác dụng quan trọng trong việc giáo dục nhân cách, chẳng những đối với thế hệ trẻ mà còn đối với tất cả mọi người chúng ta. Vì thế, nên chăng mỗi gia đình cần có một cuốn sử Việt Nam, để con cháu xem, thẩm nhuần dần và hình thành tình cảm yêu thích lịch sử nước nhà. Những bậc cao tuổi nên khôi phục lại truyền thống kể chuyện cổ tích, lịch sử cho con cháu nghe. Tuy cấu trúc và sinh hoạt gia đình ngày nay khác xưa, nhưng nhu cầu, hứng thú của trẻ nhỏ muốn nghe ông bà kể chuyện cổ thì vẫn như bao thuở trước. Các cơ quan văn hóa nên có chủ trương đầu tư, nghiên cứu sáng tác những phim ảnh, tranh vẽ, sách vở hấp dẫn có nội dung về lịch sử Việt Nam.

KHOA HỌC THANH HÓA

Trong các trường học cần cân đối lại chương trình bộ môn lịch sử với các bộ môn khác, giữa lịch sử cổ đại, trung đại và hiện đại. Coi trọng khâu thực hành lịch sử, như: sưu tầm tìm hiểu lịch sử địa phương; tổ chức cho học sinh tập tham gia viết gia phả, tộc phả, địa chí,... vừa giúp học sinh nhận thức được lợi ích thực tế của kiến thức đã học, vừa mở rộng sự hiểu biết và xây dựng tình cảm, ước mơ, hoài bão tốt đẹp về cho các em. Cải tiến cách kiểm tra, đánh giá, không nên đòi hỏi học sinh nhớ thuộc lòng, cũng không nên hướng các em phân tích các sự kiện lịch sử theo kiểu “ta tất thắng, địch tất thua” như vẫn quen làm trong sách giáo khoa, giảng bài trên lớp. Điều cần đánh giá việc lĩnh hội kiến thức lịch sử của học sinh là các em có những nhận xét, ý kiến, cảm xúc, tình cảm như thế nào đối với các sự kiện lịch sử (trung thực) đã học. Cần luôn xem môn lịch sử Việt Nam là một trong số môn “cơ bản”, không được lơ là trong giảng dạy cũng như kiểm tra, thi cử để đánh giá việc lĩnh hội tri thức của học sinh (cả nhận thức,

tình cảm và hành vi). Nơi gương cha ông ta, trong tuyên dụng cán bộ, công chức, nên hỏi về kiến thức lịch sử nước nhà, xem đây là một yêu cầu cần thiết về phẩm chất, năng lực của người lao động Việt Nam.

Đề nghị các cơ quan chức năng sớm biên soạn cuốn lịch sử Việt Nam, trên cơ sở những quan điểm, phương pháp hiện đại. Nội dung nên chọn lọc, đưa vào sách những tư liệu, sự kiện lịch sử trung thực, sinh động. Không nên gán liền nhận định, đánh giá theo chủ quan người viết vào nội dung, mà nên gợi mở để người đọc tự đánh giá, hoặc đưa riêng ý kiến của người chấp bút xuống dưới sự kiện lịch sử, giống cách làm của các sử gia tiền bối.

Như trên đã trình bày, việc học sinh phổ thông có điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn lịch sử rất thấp, hoặc tỏ ra chưa có nhu cầu, chưa thấy cần thiết học bộ môn này không phải bởi giới trẻ nước ta “chán ghét”, “xem thường” kiến thức lịch sử nước nhà. Nguyên nhân chủ yếu là do quan niệm chưa đúng về vị trí, vai trò và chức năng giáo dục con người Việt

Nam của môn học này trong trường học và cả xã hội. Việc đổi mới để phát huy được tác dụng của môn lịch sử không phải chỉ dừng lại ở việc thay đổi bài soạn trong sách giáo khoa như cách làm lâu nay, mà cần phải đổi mới toàn diện, đồng bộ, từ quan niệm đến mục đích, chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy và học, cách kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Chúng ta thường than phiền giáo dục hiện nay còn xem nhẹ việc xây dựng, rèn luyện cho thế hệ trẻ nhân cách con người Việt Nam mới để đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước. Thế nhưng, một phẩm chất cốt lõi, quan trọng của nhân cách là tình yêu quê hương, đất nước, mà môn lịch sử Việt Nam có vai trò chủ đạo, tại sao lại chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí còn thờ ơ, xem nhẹ?

Đổi mới dạy và học môn lịch sử trong trường học kết hợp với đổi mới nhận thức của xã hội, thì mới mong phát huy được tác dụng giáo dục to lớn của kiến thức lịch sử đất nước đối với thế hệ trẻ và tất cả người Việt Nam hôm nay!